

Số: 91 /TB-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2018

THÔNG BÁO

TRIỆU TẬP THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn trân trọng thông báo và kính mời Quý cổ đông đến tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, cụ thể như sau :

1. **Thời gian** : Từ 08h – 11h45, Thứ 3, ngày 10 tháng 04 năm 2018.

2. **Địa điểm** : Trung tâm Hội nghị 272 – số 272 Võ Thị Sáu – P7 – Quận 3, Tp.HCM

3. **Nội dung Đại hội** :

- Thảo luận và thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2017, phương hướng kế hoạch SXKD năm 2018;

- Thảo luận và thông qua báo cáo thẩm tra tình hình hoạt động SXKD năm 2017 của Ban Kiểm soát;

- Thảo luận và thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2017;

- Thảo luận và thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ;

- Thảo luận và thông qua mức thù lao HĐQT, ban kiểm soát năm 2018 và mức trích thưởng cho ban điều hành và cán bộ quản lý;

- Thảo luận và thông qua điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty ban hành theo Thông tư 95/2017/TT-BTC;

- Tiến hành bầu bổ sung Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập;

- Thảo luận và thông qua các tờ trình và nội dung khác liên quan theo quy định.

4. **Điều kiện tham dự** : Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn theo danh sách cổ đông của Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam – Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh chốt đến 22/03/2018 hoặc những người được ủy quyền tham dự hợp lệ.

5. **Xác nhận tham dự Đại hội** : Để công tác tổ chức Đại hội được chu đáo, đề nghị Quý cổ đông thực hiện thủ tục xác nhận trực tiếp tham dự Đại hội hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội (theo mẫu Giấy xác nhận/ ủy quyền đính kèm) và gửi về Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn theo đường bưu điện trực tiếp đến Công ty **trước 17h00' ngày 07/04/2017** theo địa chỉ: số 63 – 65 Điện Biên Phủ - Phường 15 – Quận Bình Thạnh – Tp.HCM; fax: (028) 38 405 553 hoặc email: saigonresgroup@saigonres.com.vn.

6. **Cổ đông hoặc người được ủy quyền đến dự Đại hội mang theo các Giấy tờ sau** :

*Đối với cá nhân :

- Thông báo triệu tập.

- Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu.

- Giấy xác nhận tham dự/ Ủy quyền tham dự và Thông báo triệu tập của người ủy quyền (*trường hợp nhận ủy quyền tham dự Đại hội*) (*bản chính*).

* Đối với tổ chức (*pháp nhân*) : Khi đến tham dự Đại hội vui lòng mang theo Thông báo này và Giấy giới thiệu của tổ chức đó (*bản chính*).

7. **Các tài liệu liên quan đến Đại hội** được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn tại địa chỉ: **www.saigonres.com.vn** vào mục Thông tin cổ đông/Đại hội cổ đông. **Kính đề nghị Quý cổ đông truy cập và nghiên cứu.**

8. **Mọi chi tiết liên quan đến Đại hội, Quý cổ đông vui lòng liên hệ :** (028)38.405.549; (028) 38.405.550 (nội bộ 166) gặp Chị Minh Hiền; Anh Thăng Long; Fax : 028. 38405.553.

Trân trọng thông báo.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

PHẠM THU

GIẤY XÁC NHẬN
THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC SÀI GÒN

Kính gửi : - Ban tổ chức Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2018.

Tên cá nhân/Tổ chức :

Mã cổ đông :

Số CMND/ĐKKD : cấp ngày ____/____/____ tại

Địa chỉ thường trú :

Hiện đang sở hữu : cổ phần

(Bằng chữ :)

Số lượng cổ phần được Ủy quyền : (nếu có) cổ phần

(Bằng chữ :)

Căn cứ Thông báo triệu tập cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn tổ chức vào ngày 10/04/2018, tôi xác nhận như sau :

☐ Có tham dự Đại hội.

☐ Không tham dự Đại hội.

_____, ngày ____ tháng ____ năm 2018

CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú : Đề nghị Quý cổ đông gửi thư xác nhận tham dự Đại hội này tới Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn, địa chỉ 63 – 65 Điện Biên Phủ, P.15, Q. Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh hoặc Fax theo số : 028.38405.553. Và trước ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 theo Thông báo.

GIẤY ỦY QUYỀN
(V/v Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018)

Kính gửi : - Ban tổ chức Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2018.

1. Cổ đông ủy quyền :

Tên cá nhân/Tổ chức :
Mã cổ đông :
Số CMND/ĐKKD : cấp ngày ____/____/____ tại
Địa chỉ thường trú :
Hiện đang sở hữu : cổ phần
(Bằng chữ :)

2. Bên nhận ủy quyền :

Tên cá nhân/Tổ chức :
Mã cổ đông :
Số CMND/ĐKKD : cấp ngày ____/____/____ tại
Địa chỉ :

3. Nội dung ủy quyền :

Bên nhận ủy quyền được đại diện cho cổ đông ủy quyền thực hiện việc tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn vào ngày 10/04/2018 và thực hiện mọi quyền lợi; nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông liên quan đến số cổ phần được ủy quyền nêu trên.

BÊN NHẬN ỦY QUYỀN
(Ký và ghi rõ họ tên)

_____, ngày ____ tháng ____ năm 2018
CỔ ĐÔNG ỦY QUYỀN
(Ký và ghi rõ họ tên)



THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC SÀI GÒN
 Cao ốc 63 – 65 Điện Biên Phủ – P15 – Q. Bình Thạnh
 Điện thoại: 38.405.546 Fax: 38.405.553

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



CHƯƠNG TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018

- Thời gian:** Thứ ba, ngày 10/4/2018
- Địa điểm:** Trung tâm Hội nghị 272
Địa chỉ: 272 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, Tp.HCM
- Nội dung chương trình:**

STT	Công việc	Thời gian
I	Khai mạc :	
1	Tuyên bố lý do và khai mạc – giới thiệu thành phần tham dự	8h45 – 8h50
2	Báo cáo tỷ lệ cổ đông tham dự đại hội	8h50 – 8h55
3	Thông qua thành phần Đoàn Chủ tịch, Tổ thư ký, Tổ bầu cử	8h55 – 9h05
II	Nội dung :	
1	Thảo luận và thông qua Nội dung chương trình đại hội	9h10 – 9h15
2	Thảo luận và thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị 2017, Phương hướng kế hoạch SXKD 2018	9h15 – 9h40
3	Thảo luận và thông qua Báo cáo thẩm tra tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 của Ban Kiểm soát	9h40 – 10h
5	Thảo luận và thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017	10h – 10h07
6	Thảo luận và thông qua Việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ	10h07 – 10h15
7	Thảo luận và thông qua Mức thù lao HĐQT và Ban kiểm soát 2018	10h15 – 10h22
8	Thảo luận và thông qua Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty năm 2018	10h22 – 10h30
9	Thảo luận và thông qua Điều lệ Tổ chức & hoạt động của Công ty ban hành theo Thông tư 95/2017/TT-BTC	10h30 – 10h37



10	Thảo luận và thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty ban hành theo Thông tư 95/2017/TT-BTC	10h37 – 10h45
11	Tờ trình Đề cử và ứng cử thành viên HĐQT độc lập bầu bổ sung cho thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2016- 2020	10h45 – 11h
III	Bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị độc lập	
1	Thông qua quy chế bầu cử	11h – 11h05
2	Tiến hành bầu cử	11h05 – 11h15
	<i>Nghỉ giải lao</i>	11h15 – 11h25
IV	Công bố kết quả bầu cử	11h25 – 11h30
VI	Thành viên mới Hội đồng Quản trị ra mắt cổ đông	11h30 – 11h35
VII	Thông qua biên bản đại hội	11h35 – 11h40
VIII	Bế mạc đại hội	11h40 – 11h45



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2018

PHẦN THỨ NHẤT BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2017

Năm 2017 là một năm thắng lợi của nền kinh tế Việt Nam. Tốc độ tăng trưởng GDP cao nhất trong vòng 1 thập kỷ qua, đạt 6,81%. Thị trường bất động sản, tình hình cũng không kém sôi động khi dòng vốn ngoại không ngừng đổ về kênh đầu tư hấp dẫn này, với hơn 3 tỷ USD vốn FDI trong năm 2017.

I. THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN

Hoạt động SXKD của Saigonres Group trong năm 2017 có những thuận lợi và khó khăn sau:

1. Thuận lợi:

- Chính phủ đã và đang tiếp tục cố gắng tạo ra một môi trường kinh doanh thuận lợi, minh bạch thông qua việc chỉnh sửa, bổ sung các luật, nghị định, thông tư cho phù hợp với điều kiện kinh doanh thực tế.
- Việc hội nhập với nền kinh tế khu vực và kinh tế thế giới đã tạo điều kiện cho doanh nghiệp có thêm cơ hội và thị phần để phát triển;
- Là chủ đầu tư nhiều dự án bất động sản nhưng dư nợ ngân hàng của Công ty không lớn. Nguồn vốn Công ty được sử dụng đầu tư đúng chỗ, đúng thời điểm và có hiệu quả. Hấp dẫn các tổ chức tín dụng trong việc cho vay vốn tín dụng;
- Đội ngũ cán bộ nhân viên Công ty đoàn kết, nhiệt tình, tận tụy với công việc và luôn được tinh chọn, bổ sung;
- Văn hóa doanh nghiệp – văn hóa Saigonres luôn được duy trì, xây dựng và phát triển ngày càng rõ nét góp phần đáng kể vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Khó khăn:

- Mặc dù hệ thống luật pháp ngày một hoàn chỉnh, tuy nhiên vẫn chưa thật sự đáp ứng được yêu cầu của thực tế. Trong thực tế nhiều vấn đề phát sinh nhưng hành lang pháp lý chưa có hoặc có nhưng chưa đầy đủ;
- Công tác đền bù giải tỏa của các dự án gặp rất nhiều khó khăn, đặc biệt là Chính quyền địa phương chưa có các biện pháp cụ thể để hỗ trợ nhà đầu tư trong công tác đền bù cũng như để xử lý các trường hợp chưa chấp hành chính sách đền bù giải tỏa. Có trường hợp công tác đền bù của dự án nhiều năm không triển khai thực hiện được;

- Do ảnh hưởng của các chính sách về đất đai của Nhà nước, đặc biệt là quy định về cách tính tiền sử dụng đất theo giá thị trường, cách tính tiền sử dụng đất để thực hiện nghĩa vụ tài chính cho nhà nước hiện nay còn kéo dài. Cũng với lý do này mà nhiều dự án nhà đầu tư phải điều chỉnh lại tổng mức đầu tư. Từ đó, dẫn đến tiến độ triển khai thực hiện của các dự án bị chậm, vốn đầu tư tăng cao, hiệu quả kinh tế của dự án đầu tư thấp hơn dự tính và ảnh hưởng không tốt đến hiệu quả xã hội của dự án;
- Một số thủ tục của công tác chuẩn bị đầu tư như: Quy định về tỷ lệ vốn chủ sở hữu trên tổng mức đầu tư còn mang tính hình thức, chưa sát với điều kiện thực tế nên có phần gây khó khăn cho doanh nghiệp. Công tác lựa chọn công nhận chủ đầu tư, chấp thuận đầu tư dự án còn nhiều điều chồng chéo và trùng lặp nên thời gian hoàn tất các thủ tục chuẩn bị đầu tư bị kéo dài.
- Công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch còn bất cập nhiều đồ án quy hoạch tỷ lệ 1/2000 vừa được duyệt đã không còn khả thi dẫn đến phải thực hiện điều chỉnh quy hoạch vừa phức tạp vừa mất thời gian;
- Nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty mặc dù đã tăng nhưng vẫn chưa đáp ứng được quy mô cũng như số lượng các dự án của Công ty đang làm chủ đầu tư;
- Công tác tuyển dụng để bổ sung nhân lực luôn được quan tâm thực hiện nhưng đội ngũ cán bộ quản lý cấp cao, chuyên viên giỏi vẫn còn thiếu so với nhu cầu hiện nay.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2017, Hội đồng Quản trị của Saigonres Group không có sự thay đổi về số lượng và nhân sự. Hội đồng Quản trị bao gồm các thành viên:

- | | |
|-----------------------------------|---------------------|
| 1. Ông Phạm Thu | - Chủ tịch HĐQT |
| 2. Bà Nguyễn Thị Mai Thanh | - Phó Chủ tịch HĐQT |
| 3. Ông Đặng Văn Phúc | - Thành viên HĐQT |
| 4. Bà Trần Thị Ga | - Thành viên HĐQT |
| 5. Ông Phạm Đình Thành | - Thành viên HĐQT |
| 6. Ông Phạm Quốc Thắng | - Thành viên HĐQT |

Hội đồng Quản trị (HĐQT) đã tổ chức 11 cuộc họp định kỳ và đột xuất để ban hành các nghị quyết, quyết định quan trọng, cần thiết phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. HĐQT đã ban hành tổng cộng 16 Quyết định và Nghị quyết.

Hội đồng Quản trị đã luôn song hành cùng Ban Tổng Giám đốc Saigonres Group trong mọi hoạt động, đưa ra chỉ đạo để Công ty đẩy mạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh, tiếp tục tìm kiếm các dự án tốt làm nền tảng cho sự phát triển trong những năm tiếp theo. Các thành viên trong HĐQT thường xuyên hội ý, thống nhất các giải pháp về đầu tư, kinh doanh, xây dựng, thủ tục... Ban Tổng Giám đốc luôn trực tiếp đi kiểm tra các dự án, công trường để có thể đưa ra chỉ đạo một cách kịp thời, hợp lý và đạt hiệu quả cao... Về cơ bản, Saigonres Group đã hoàn thành được các nhiệm vụ mà Đại hội đồng Cổ đông 2017 đề ra.

Để triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, của HĐQT là Ban Tổng Giám đốc điều hành:

- | | |
|---------------------------------|----------------------|
| 1. Ông Phạm Thu | - Tổng Giám đốc |
| 2. Bà Trần Thị Ga | - Phó Tổng Giám đốc |
| 3. Ông Đặng Văn Phúc | - Phó Tổng Giám đốc |
| 4. Ông Lê Xuân Khương | - Giám đốc kỹ thuật |
| 5. Ông Nguyễn Trọng Giáp | - Giám đốc tài chính |

Ban Giám đốc các Công ty thành viên, cùng đội ngũ các cán bộ quản lý và lực lượng nhân viên của toàn Group.

Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc luôn tuân thủ đúng quy định của pháp luật, điều lệ Công ty.

III. HOẠT ĐỘNG SXKD CỦA SAIGONRES GROUP 2017

Trên cơ sở triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, trong năm 2017 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có một số điểm nổi bật sau:

A. Triển khai thực hiện các dự án

1. Dự án Chung cư An Phú Đông – Quận 12:



- Chung cư An Phú Đông được đầu tư xây dựng trên khu đất có diện tích gần 7000 m², tại phường An Phú Đông, Quận 12. Dự án có tổng mức đầu tư 305 tỷ đồng, quy mô 1 tầng hầm và 16 tầng nổi, tổng diện tích sàn xây dựng 25.525 m², có 308 căn hộ.
- Dự án đã chính thức khởi công vào quý 2 năm 2017 và giao cho Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Nam Đô là Công ty thành viên của Saigonres Group trực tiếp quản lý thực hiện với sự hỗ trợ từ các Phòng ban Công ty mẹ. Cho đến thời điểm này, công tác thi công an toàn triệt để, chất lượng các hạng mục của dự án đều đảm bảo đúng hồ sơ thiết kế được phê duyệt, tiến độ thi công thực tế vượt tiến độ kế hoạch đề ra;

- Đến nay Chung cư An Phú Đông đã hoàn thành công tác bê tông cốt thép, đang triển khai thi công hoàn thiện. Dự kiến đến Quý 4/2018, công trình sẽ hoàn thành nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng, vượt tiến độ 90 ngày.
- Dự án đã chính thức mở bán đợt 1 vào cuối quý 4/2017 và được khách hàng đón nhận tích cực. Phần đầu trong quý 2 năm 2018 sẽ bán hết 90% số căn hộ tại dự án.

2. Dự án An Phú River View – Quận Thủ Đức:



Vị trí dự án: Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Quy mô dự án:

- Diện tích khu đất: 4.917,2 m².
- Tổng diện tích sàn xây dựng : 27.045 m²
- Tầng cao công trình: 19 tầng
- Tổng số căn hộ : 306 căn
- Tổng mức đầu tư dự kiến: 376 tỷ đồng.

Tình hình thực hiện dự án:

- Đã hoàn tất nộp tiền sử dụng đất. Hiện tại đang tiến hành thủ tục xin cấp phép xây dựng.
- Dự kiến khởi công vào Quý 3/2018

3. Dự án An Phú Residences – Quận Thủ Đức:



Vị trí dự án: Phường Hiệp Bình Chánh, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Quy mô dự án:

- Diện tích khu đất : 5.207,4 m².
- Tổng diện tích sàn xây dựng : 28.640 m²
- Tổng số căn hộ : 330 căn
- Tầng cao công trình: 18 tầng.
- Tổng mức đầu tư dự kiến: 400 tỷ đồng.

Tình hình thực hiện dự án:

- Đã hoàn tất nộp tiền sử dụng đất. Hiện tại đang tiến hành thủ tục xin cấp phép xây dựng.
- Dự kiến khởi công vào Quý 4/2018

An Phú River View và **An Phú Residences** liền kề nhau tọa lạc tại vị trí vàng bên sông Sài Gòn, nằm trên trục đường D2, đường kết nối dự án Gem Premium với đường Phạm Văn Đồng, tuyến đường nhộn nhịp và sầm uất nhất khu vực. Từ vị trí dự án có thể kết nối dễ dàng đến Quận 1, Bình Thạnh, Gò Vấp, Tân Bình và sân bay Tân Sơn Nhất. Dự án có cảnh quan đẹp và môi trường sống ven sông lý tưởng. Cùng với tiềm lực tài chính dồi dào và kinh nghiệm lâu năm của đội ngũ điều hành Saigonres Group, việc khởi công 2 dự án trong năm nay sẽ tạo ra doanh thu và lợi nhuận đáng kể cho Công ty.

4. Dự án Saigonres Condotel – Tp. Vũng Tàu:



- Tọa lạc tại số 28 đường Thi Sách, phường Thắng Tam, Thành phố Vũng Tàu. Khu đất thực hiện dự án có diện tích được quy hoạch 8.816m^2 . Dự án có vị trí đặc địa nhất hiện nay tại Thành phố Vũng Tàu đối với loại hình Condotel, chỉ cách bãi biển Thùy Vân khoảng 300m.
- Dự án có quy mô 36 tầng nổi và 2 tầng hầm được quy hoạch xây dựng theo tiêu chuẩn 04 sao với 1.143 căn hộ du lịch, 115 phòng khách sạn và hơn 10.000m^2 sàn thương mại dịch vụ.
- Saigonres Condotel là một trong những khu căn hộ khách sạn cao nhất Thành phố Vũng Tàu cho đến thời điểm hiện nay. Tổng diện tích sàn xây dựng 142.974m^2 với tổng mức đầu tư khoảng 1.400 tỷ đồng, Saigonres Condotel Vũng Tàu sẽ được quản lý, vận hành bởi đơn vị quản lý chuyên nghiệp, tiêu chuẩn quốc tế cùng những tiện ích nghỉ dưỡng đẳng cấp như: trung tâm thương mại, bể bơi, nhà hàng, khu vui chơi giải trí, dịch vụ chăm sóc sức khỏe, khu thể thao...
- Các thủ tục pháp lý của dự án đã hoàn tất và dự kiến Saigonres Condotel Vũng Tàu sẽ khởi công vào trong tháng 04/2018.

5. Dự án Gem Premium – Quận Thủ Đức:



- Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn liên doanh với Công ty Cổ phần Dịch vụ và Xây dựng Địa ốc Đất Xanh thành lập Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn Riverside với vốn điều lệ 950 tỷ đồng để thực hiện dự án.
- Dự án có vị trí đắc địa tại Quận Thủ Đức với gần 500 mét tiếp giáp sông Sài Gòn. Tổng mức đầu tư dự kiến cho dự án này là gần 5000 tỷ đồng. Với định hướng xây dựng tại đây một Khu tổ hợp căn hộ, thương mại, dịch vụ, giải trí cao cấp. Có thể thấy được triển vọng về hiệu quả kinh tế của khu đất mà Saigonres Group đã dày công đền bù từ cách đây hơn 10 năm.
- Hiện nay các bên đang phối hợp để điều chỉnh quy hoạch xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/500 và hoàn tất hồ sơ để Sở Xây dựng trình Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận đầu tư.

6. Dự án Khu Phức hợp Saigonres Nhơn Trạch – Đồng Nai:



- Dự án tọa lạc ngay trung tâm của Tp. Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
- Dự án được thực hiện trên khu đất có diện tích khoảng 80.000 m². Trong đó:
 - + Bao gồm 3 cao ốc thương mại và căn hộ (từ 18 đến 20 tầng): 14.275 m²;
 - + Khu nhà liên kế vườn với 178 căn: 18.074 m²;
 - + Khu biệt thự 48 căn: 8.898 m²;
 - + Trường mẫu giáo: 12.751 m²;
 - + Đất cây xanh, thể dục thể thao: 5.325 m²;
 - + Đường giao thông: 19.945 m².
 - + Tổng mức đầu tư dự kiến 1.000 tỷ đồng.

Tiềm năng phát triển của dự án:

- Chủ trương của Chính Phủ về đầu tư xây dựng Sân bay quốc tế Long Thành và cầu vượt sông Sài Gòn từ Q9 đi Nhơn Trạch làm cho công tác đền bù gặp khó khăn, giá đền bù tăng cao. Cũng đồng thời làm cho giá trị của dự án tăng cao nhờ hạ tầng giao thông khu vực được kết nối thông suốt.
- Vị trí "vàng" của Nhơn Trạch chính là khu vực giao thoa với vùng Đông Bắc Thành phố Hồ Chí Minh, là khu vực tiếp giáp với quận 2, quận 9 của TP.HCM, đồng thời kết nối thuận tiện với các vùng lân cận thông qua hệ thống giao thông huyết mạch như: Quốc lộ 51, 1A, Cao tốc Bến Lức – Long Thành – Dầu Giây... Nhơn Trạch chính là giao điểm giữa các khu vực trong tam giác kinh tế Tp. Hồ Chí Minh – Đồng Nai – Bà Rịa Vũng Tàu.
- Thêm vào đó, trục đường Vành Đai 3 được Chính phủ phê duyệt triển khai thực hiện cùng với cầu bắc qua sông Sài Gòn nối quận 9 – Tp. Nhơn Trạch sẽ giúp rút ngắn thời gian kết nối với Thành phố Hồ Chí Minh. Ngoài ra, sự hình thành của sân bay quốc tế Long Thành cũng kỳ vọng sẽ tạo nên một bước ngoặt mới cho thị trường bất động sản Đồng Nai nói chung và Nhơn Trạch nói riêng.
- Hiện nay, Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Nhơn Trạch đang đẩy mạnh các công tác bồi thường phần diện tích còn lại gần 3ha. Dự kiến sẽ hoàn tất công tác đền bù trong quý 3/2018.

7. Dự án Nhà vườn, nước khoáng Văn Lâm – Bình Thuận:

- Công ty đã chọn được đối tác có kinh nghiệm thành lập Công ty liên danh để đầu tư xây dựng nhà máy và tiến hành khai thác nước khoáng. Hiện Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận đang xem xét cấp Giấy phép đầu tư cho Công ty liên doanh.
- Phần dự án nhà vườn sinh thái, Công ty đã đền bù được 15ha, dự kiến sẽ đền bù tiếp 15ha trong năm 2018 để có 30ha dọc hai bên tuyến đường dẫn vào ga Mương Mán và hoàn chỉnh quy hoạch tỷ lệ 1/500 trình duyệt để có thể thực hiện triển khai dự án trong năm 2019.

8. Dự án Cải tạo xây dựng mới cụm Lô chữ Cư xá Thanh Đa:

- Dự án được thực hiện có tổng diện tích khoảng 14ha gồm toàn bộ cụm lô chữ - 15 lô Khu cư xá Thanh Đa. Thực hiện dự án cải tạo xây dựng cụm lô chữ Khu cư xá Thanh Đa là 1 trong 7 chương trình đột phá của Thành ủy nhiệm kỳ 2016-2020 nhằm cải tạo toàn bộ cụm lô chữ Khu cư xá Thanh Đa với gần 3.000 căn hộ và căn nhà ở hiện hữu. Tổng mức đầu tư dự kiến của Dự án là 7000 tỷ đồng. Dự kiến sau khi hoàn tất dự án sẽ có khoảng 7.300 căn hộ, cùng nhiều hạng mục công trình kèm theo phù hợp với quy hoạch đô thị hiện đại.

- Trong năm qua Công ty đang đẩy mạnh công tác bồi thường phần diện tích đất còn lại giữa các lô N, P, K trong khuôn viên dự án, cùng với đó là hoàn chỉnh hồ sơ quy hoạch xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/500 và phương án bố trí tái định cư.

B. Các công tác khác

- **Chi trả cổ tức 2015:** Công ty đã hoàn tất việc chi trả cổ tức năm 2015 theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông với tỷ lệ 10% bằng tiền mặt tương đương 19.718.100.000 đồng
- **Chi cổ tức năm 2016:** Trong năm Công ty đã thực hiện việc chi trả cổ tức 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông với tỷ lệ rất cao 110%. Trong đó:
 - Chi trả cổ tức bằng tiền mặt 10% tương đương với tổng số tiền được chi trả là 19.799.989.000 đồng
 - Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu 100% với tổng số lượng 19.799.989 cổ phiếu tương đương giá trị 197.999.890.000 đồng. Sau khi hoàn thành việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu, Vốn điều lệ Công ty tăng lên thành 395.999.890.000 đồng (*Ba trăm chín mươi lăm tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, tám trăm chín mươi ngàn đồng./.*).
- Việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu đã mang lại cho quý cổ đông Công ty lợi ích rất lớn. Giá trị cổ phiếu giao dịch trên thị trường tại thời điểm đó khoảng 30.000đ/cổ phiếu nên giá trị thị trường của 19.799.989 cổ phiếu tương đương với gần 600 tỷ đồng.
- **Chuyển sàn giao dịch:**
 - Sau thời gian hoàn tất các hồ sơ, thủ tục theo quy định của Ủy ban Chứng khoán, Sàn giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15/1/2018 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn mã chứng khoán SGR đã được chính thức niêm yết trên sàn HOSE.
- **Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ:**
 - Do có một số quy định của Nhà nước thay đổi nên các thủ tục chuyển sàn niêm yết của Công ty bị kéo dài vì vậy việc phát hành thêm 5.400.000 cổ phiếu ra công chúng để tăng vốn điều lệ lên thành 450.000.000.000 đồng chưa thực hiện được trong năm 2017.
- **Bên cạnh đó, Saigonres Group đã từng bước sắp xếp lại mô hình hoạt động của Công ty sang hình thức Holdings. Cụ thể như sau:**
 - Thực hiện M&A và đầu tư tăng vốn điều lệ Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Du lịch Phước Lộc để thực hiện dự án Saigonres Condotel – Vũng Tàu.
 - Thành lập mới Công ty TNHH Kinh doanh BĐS Sài Gòn nhằm phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh ngày càng lớn mạnh.
 - Bộ phận nhân sự cũng đang tích cực tuyển thêm những cán bộ mới có chuyên môn cao để bổ sung vào các vị trí cần thiết hoặc đang thiếu để nâng cao năng lực, hiệu

quả sản xuất kinh doanh đáp ứng hoạt động sản xuất kinh doanh ngày một lớn và đa dạng của Công ty.

- Công tác chăm lo đời sống vật chất tinh thần cho cán bộ, nhân viên luôn được quan tâm và ngày càng tốt hơn.

C. Hoạt động của các công ty thành viên

1. Công ty TNHH MTV Địa ốc Sài Gòn Nam Đô:

- Vốn điều lệ 60.000.000.000 đồng. Vốn góp của Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn chiếm tỷ lệ 100%;

- Công ty TNHH MTV Địa ốc Sài Gòn Nam Đô được thành lập với mục tiêu trở thành Công ty đầu tư, quản lý, thi công các dự án xây dựng. Hiện nay, Công ty có đội ngũ cán bộ trẻ, chuyên môn tốt, năng động, nhiệt huyết. Từ khi thành lập luôn thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao như quản lý thực hiện tốt dự án Saigonres Plaza, đang quản lý thực hiện dự án Chung cư An Phú Đông Quận 12. Ngoài ra Ban lãnh đạo Công ty Nam Đô đang chủ động tìm kiếm mở rộng sản xuất kinh doanh nhằm phát huy hiệu quả tiềm năng về vốn, cũng như sự hỗ trợ từ Công ty mẹ.

2. Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng Đô Thị:

- Vốn điều lệ 2.000.000.000 đồng. Vốn góp của Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn chiếm tỷ lệ 49,7%

- Bộ máy tổ chức, nhân sự mới được cơ cấu sắp xếp lại nhằm nâng cao năng lực đảm bảo thực hiện được nhiệm vụ Tư vấn Thiết kế đáp ứng nhu cầu của Công ty Mẹ và của khách hàng;

- Hiện nay đang tham gia thiết kế, thẩm tra dự toán một số dự án của Công ty mẹ như: dự án Chung cư An Phú Đông – Quận 12; dự án Saigonres Condotel; Thiết kế dự án Khu Phức hợp Saigonres Nhơn Trạch. Ngoài ra cũng đang tham gia thiết kế một số dự án của các chủ đầu tư khác.

3. Công ty TNHH Sài Gòn Vĩnh Khang:

- Vốn điều lệ 10.000.000.000 đồng. Vốn góp của Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn chiếm tỷ lệ 80%

- Công ty TNHH Sài Gòn Vĩnh Khang có chức năng kinh doanh chính là sản xuất lắp đặt cửa chống cháy, cửa gỗ phủ melamin, các loại tủ bếp gỗ công nghiệp phục vụ cho các tòa nhà, khu chung cư và nhập khẩu, phân phối các loại gạch ceramic, thiết bị vệ sinh ...

4. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhơn Trạch:

- Vốn điều lệ 50.000.000.000 đồng. Vốn góp của Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn chiếm tỷ lệ 89,27%;

- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhơn Trạch đang là Chủ đầu tư dự án Khu phức hợp Saigonres Nhơn Trạch.

- Song song với việc hoàn tất thủ tục đền bù diện tích còn lại của dự án, Công ty đang lập hồ sơ thiết kế cơ sở và thiết kế chi tiết giai đoạn 1 của dự án 08ha để trình Sở Xây dựng thẩm định và cấp phép xây dựng.

5. Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Hùng Vương:

- Vốn điều lệ 10.000.000.000 đồng. Trong quý 1/2018, Saigonres Group đã hoàn tất việc góp vốn và chiếm tỷ lệ 70%;
- Ngành nghề chính: Kinh doanh bất động sản, quản lý bất động sản và xây dựng;

6. Công ty Cổ phần Đầu tư – Kinh doanh và Xây dựng nhà Gia Định:

- Vốn điều lệ 25.000.000.000 đồng. Vốn góp của Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn chiếm tỷ lệ 70%;
- Công ty được thành lập với mục tiêu chuyên môn hóa các hoạt động xây dựng, phục vụ cho các dự án của Saigonres Group và các dự án bên ngoài.

7. Công ty TNHH Kinh doanh BĐS Sài Gòn:

- Vốn điều lệ 30.000.000.000 đồng. Vốn góp của Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn chiếm tỷ lệ 100%;
- Trên cơ sở lực lượng với bề dày kinh nghiệm và các lợi thế sẵn có của bộ phận kinh doanh Công ty mẹ và tuyển dụng thêm để thành lập Công ty. Công ty TNHH Kinh doanh BĐS Sài Gòn có chức năng chính là đầu tư, kinh doanh và cung cấp các dịch vụ phân phối các sản phẩm bất động sản.

8. Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Du lịch Phước Lộc:

- Vốn điều lệ 280.000.000.000 đồng. Vốn góp của Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn là 100% vốn điều lệ.
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Du lịch Phước Lộc hiện là chủ đầu tư của dự án Saigonres Condotel Vũng Tàu.

9. Công ty TNHH Đầu tư Saigon Riverside:

- Vốn điều lệ 950.000.000.000 đồng. Vốn góp của Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn chiếm tỷ lệ 25% tương đương 237.500.000.000 đồng;
- Công ty TNHH Đầu tư Saigon Riverside đang là chủ đầu tư dự án Gem Premium.

D. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017

HĐQT trân trọng báo cáo đến các quý cổ đông về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 với những chỉ tiêu cơ bản như sau:

- Tổng giá trị đầu tư: **410** tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: **174** tỷ đồng.
- Vốn chủ sở hữu: **565** tỷ đồng.

IV. MỘT SỐ TỒN TẠI

Trong năm vừa qua, có thể nói toàn bộ đội ngũ cán bộ nhân viên Saigonres Group đã rất cố gắng, nhiệt huyết, đặc biệt là Ban Tổng Giám đốc trong quá trình triển thực hiện nhiệm vụ điều hành đã có những quyết sách, chỉ đạo hết sức hiệu quả, để mang lại cho Công ty nguồn lợi nhuận gần 140 tỷ đồng sau thuế tương đương 35% so với vốn điều lệ. HĐQT đánh giá rằng với những kết quả đã đạt được so với nhiều công ty có quy mô và hoạt động kinh doanh tương đồng thì Saigonres Group đã có nhiều sự vượt trội đáng kể. Đặc biệt như lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt gần 3.200 đồng trong khi một số công ty đầu ngành chỉ đạt khoảng từ 1.600 đến 2.500 đồng và tỷ lệ chi trả cổ tức nói chung và cổ tức bằng tiền nói riêng cũng đạt mức không dưới 15% mỗi năm, có năm đạt đến 110% và duy trì trong nhiều năm, có thể nói đây cũng là tỷ lệ chia cổ tức hiếm có đối với một doanh nghiệp hoạt động kinh doanh bất động sản.

Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục duy trì tỷ lệ dư nợ vay từ các tổ chức tín dụng ở mức thấp (khoảng 8%), với dự báo là nguồn tín dụng cho bất động sản sẽ tiếp tục hạn chế và xu hướng lãi suất có chiều hướng gia tăng thì đây cũng là tiền đề cho Công ty giữ được ổn định và tăng trưởng cũng như giảm thiểu được rủi ro tín dụng.

Như đã báo cáo với quý cổ đông, dự án Saigonres Condotel Vũng Tàu cũng là một thành quả đáng tuyên dương của Ban Tổng Giám đốc, Ban Điều hành Saigonres Group. Là một dự án có tổng mức đầu tư khoảng 1400 tỷ đồng, quy mô diện tích sàn cũng như số lượng căn hộ... lớn nhất từ trước tới nay của Saigonres. Nhưng tính từ lúc tiếp xúc với khu đất, hoàn tất thực hiện M&A Công ty Phước Lộc, xin dự án, phê duyệt quy hoạch... cho đến lúc khởi công dự án, chỉ mất 14 tháng. Điều này thể hiện một sự nỗ lực không ngừng và tầm nhìn chiến lược của Ban lãnh đạo Công ty, nhằm mang về hiệu quả cao cho Saigonres và cho quý cổ đông.

Mặc dù vậy HĐQT nhận thấy còn một số tồn tại Ban Tổng Giám đốc trong năm 2018 phải tập trung giải quyết:

- Kế hoạch, tiến độ triển khai các dự án đầu tư chưa đạt theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, ngoài các khó khăn khách quan, cần phải khắc phục các khó khăn chủ quan, chủ động tập trung hơn nữa các giải pháp khả thi để đẩy mạnh công tác đền bù và hoàn tất hồ sơ chuẩn bị đầu tư của các dự án.
- Trong bối cảnh rất nhiều doanh nghiệp nước ngoài rút vốn vào thị trường bất động sản Việt Nam, ở trong nước cũng rầm rộ xuất hiện các thương vụ mua bán, sát nhập dự án. Vì vậy, Công ty cần nỗ lực hơn nữa trong việc tìm kiếm thêm các dự án mới, và các quỹ đất sạch để làm tiền đề cho các kế hoạch chiến lược dài hạn... Ngoài ra, việc đầu tư nhằm đẩy mạnh giá trị thương hiệu Saigonres Group trên thị trường vẫn chưa được quan tâm đúng mức với quy mô, giá trị và tiềm năng của Công ty.
- Xây dựng đội ngũ quản lý cấp cao đáp ứng yêu cầu hoạt động của Công ty trong điều kiện mới.
- Đôn đốc, hoàn tất công tác định giá, nộp tiền sử dụng đất để nhanh chóng kết thúc các dự án.

- Ngoài ra, cần giải quyết dứt điểm các tồn tại của các dự án, các tranh chấp ... có liên quan đến tài sản của Công ty.

PHẦN THỨ HAI

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 2018

Theo dự báo của nhiều chuyên gia kinh tế thì kinh tế Việt Nam bước vào năm 2018 với những dự báo lạc quan về tăng trưởng kinh tế. Đặc biệt một số hiệp định có quy mô toàn cầu mà Việt Nam vừa tham gia sẽ mở ra cơ hội mới cho nền kinh tế Việt Nam phát triển và hội nhập. Cùng với những thay đổi về chính sách của Chính phủ nền kinh tế Việt Nam được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng khá ổn định.

Đối với lĩnh vực bất động sản, mặc dù Chính phủ đã và sẽ có các biện pháp tạo điều kiện để thị trường tiếp tục đà phục hồi và phát triển bền vững hơn. Tuy nhiên các thủ tục pháp lý liên quan vẫn còn những bất cập đang tiếp tục sửa đổi, bổ sung làm các thủ tục triển khai dự án kéo dài, khó khăn cho việc tính toán đầu tư. Nên vẫn phải chủ động đề ứng phó với tình hình thị trường vẫn còn tiềm ẩn những rủi ro, diễn biến phức tạp... Đặc biệt là sự cạnh tranh giữa các đơn vị cùng ngành ngày càng quyết liệt hơn.

Với nhận định tình hình thị trường, căn cứ vào năng lực thực tại của Công ty cũng như căn cứ vào tính khả thi và tiến độ thực hiện các dự án cùng với việc đặt lợi ích của Cổ đông lên hàng đầu. Hội đồng Quản trị đã đặt mục tiêu và đồng hành cùng Ban Tổng Giám đốc điều hành phấn đấu năm 2018 đạt được các chỉ tiêu cơ bản cao hơn năm 2017. Cụ thể:

- Tổng giá trị đầu tư: **2.390** tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: **270** tỷ đồng.
- Cổ tức: **25%**

Để đạt được các chỉ tiêu trên, HĐQT định hướng một số công tác phải thực hiện trong năm:

- Hoàn tất công tác thi công hoàn thiện để nghiệm thu bàn giao công trình vào cuối quý 3/2018 và triển khai kinh doanh đến 90% sản phẩm của dự án Chung cư An Phú Đông.
- Khởi công dự án **An Phú River View** trong quý 3/2018.
- Khởi công dự án **An Phú Residences** trong quý 4/2018.
- **Dự án Cải tạo Xây dựng mới cụm Lô chữ Cư xá Thanh Đa:** Song song với việc hoàn tất các thủ tục pháp lý dự án như điều chỉnh cục bộ tỷ lệ 1/2000, phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, phê duyệt phương án tái định cư, công nhận chủ đầu tư dự án. Công ty tiếp tục đền bù phần đất nằm giữa các lô N, P, K.
- **Dự án Gem Premium – Quận Thủ Đức:** Hoàn tất công tác đền bù toàn bộ diện tích đất còn lại nằm trong ranh dự án.

- Dự án Nhà vườn, nước khoáng Văn Lâm – Bình Thuận:

+ Phối hợp cùng đơn vị liên doanh hoàn tất thủ tục pháp lý và hoàn tất công tác đầu tư xây dựng nhà máy để khai thác và đưa sản phẩm ra thị trường.

+ Hoàn tất công tác đền bù khoảng 30ha và song song triển khai quy hoạch 1/500 để trình duyệt.

- Dự án Saigonres Condotel Vũng Tàu: Đầu tư nguồn vốn để Công ty TNHH MTV Xây dựng du lịch Phước Lộc hoàn chỉnh các thủ tục pháp lý của dự án. Thi công xong hạng mục cọc, móng, 2 tầng hầm và thi công tới sàn tầng 10 của phần thân công trình.

+ Dự kiến khởi công vào tháng 4/2018.

+ Thị trường bất động sản Việt Nam đang ghi nhận sự dẫn đầu xu hướng phát triển đối với các dự án Condotel và các dự án theo tiêu chuẩn xanh. Trong đó, thị trường nghỉ dưỡng tại Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đang trở nên sôi động hơn bao giờ hết khi hạ tầng giao thông, khu vực này đã được hoàn thiện đồng bộ, giúp kết nối liên vùng một cách nhanh chóng và thuận tiện.

+ Đây sẽ là một trong những dự án trọng điểm trong năm 2018 và 2019 của Saigonres Group, với triển vọng nguồn thu và lợi nhuận là rất khả quan trong tình hình thực tế hiện nay.

- Dự án Khu phức hợp Saigonres Nhơn Trạch: Đầu tư nguồn vốn để Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhơn Trạch hoàn tất công tác bồi thường giải phóng mặt bằng và triển khai thi công hạ tầng dự án.

- **Thực hiện tìm kiếm, mua bán, sát nhập dự án:** Với năng lực tài chính vững vàng, Saigonres Group sẽ đẩy mạnh việc mua và tích lũy những dự án bất động sản có vị trí đẹp, pháp lý rõ ràng, nhằm chuẩn bị cho chiến lược trung và dài hạn của Công ty.

- **Về công tác tổ chức:**

- Hội đồng Quản trị tiếp tục định hướng và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc điều hành xây dựng bộ máy quản lý tinh gọn, năng động, chuyên nghiệp và hiệu quả. Hội đồng Quản trị sẽ luôn đồng hành, giám sát, chỉ đạo cụ thể và thường xuyên Ban Tổng Giám đốc điều hành, các công ty thành viên nhằm phát huy tốt nhất lợi thế sẵn có và nhanh chóng đạt được mục đề ra.

- Nhằm tăng cường công tác quản trị tại toàn Group, năm 2018 HĐQT cùng với Ban Tổng Giám đốc Công ty sẽ từng bước xây dựng và hoàn thiện các Quy trình, quy chế quản trị theo hướng chuyên trách, nâng cao vai trò từng thành viên Hội đồng quản trị để kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh của toàn Group trong quá trình hoạt động kinh doanh, đảm bảo tối đa lợi ích của cổ đông.

- Tăng cường công tác kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của các Công ty thành viên nhằm kịp thời có các biện pháp hỗ trợ để củng cố và phát triển để hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao.

- **Tăng vốn điều lệ để đáp ứng nhu cầu đầu tư các dự án của Công ty.**

Trong năm 2018, HĐQT cam kết sẽ đồng hành cùng Ban Điều hành công ty, hoạt động tích cực trên tinh thần trách nhiệm cao nhất triển khai thực hiện tốt nhất Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông nhằm đạt hiệu quả tối đa cho công ty và gia tăng giá trị cho các cổ đông.

Trên đây là báo cáo của HĐQT tại Đại hội đồng Cổ đông Saigonres Group thường niên 2018. Kính trình Đại hội đồng Cổ đông thảo luận và cho ý kiến.

Nhân sự kiện này, Hội đồng Quản trị Công ty trân trọng cảm ơn những đóng góp của tất cả quý vị trong những năm qua vì sự phát triển ngày càng vững mạnh của Saigonres Group của chúng ta!

Kính chúc Quý vị mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

PHẠM THU



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **29** tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO

THẨM ĐỊNH TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC SÀI GÒN

- Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát đã được quy định tại Điều lệ Tổ chức & hoạt động Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn.
- Căn cứ báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2017 bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ Tin học TP. HCM.

Ban Kiểm soát Công ty báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 của Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn như sau:

I. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

- Ban kiểm soát có 3 thành viên (gồm một Trưởng ban và hai thành viên), trong năm đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, tổ chức 02 cuộc họp định kỳ và tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty.
- Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty. Đồng thời phối hợp với Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.
- Định hướng năm 2018, Ban Kiểm soát sẽ tiếp tục kiểm tra giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty... liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh của toàn Công ty, đồng thời thực hiện các công tác khác theo chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

II. Công tác quản lý điều hành:

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Trong năm 2017, các thành viên hội đồng quản trị đã hoạt động tích cực với tinh thần trách nhiệm cao. Thực hiện chức năng quản lý theo Luật DN, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ, bất thường để trao đổi, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và thống nhất ban hành nhiều Nghị quyết, Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự thủ tục theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- Trong năm Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành đến 65 nghị quyết, quyết định để chỉ đạo và giải quyết công việc. Các Nghị quyết chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư đã đảm bảo đúng hướng, đúng

mục tiêu nhằm thực hiện mọi chủ trương nghị quyết của đại hội đồng cổ đông, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

- HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành trong quá trình chỉ đạo điều hành và trực tiếp tham gia tháo gỡ các khó khăn vướng mắc trong hoạt động SXKD của Công ty.

2. Hoạt động của Ban điều hành:

- Ban Điều hành Công ty đã tuân thủ các quy định của pháp luật, thực hiện đúng nhiệm vụ điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo định hướng của Hội đồng quản trị.

- Trong năm qua, Tổng giám đốc cùng với Ban Điều hành đã có nhiều nỗ lực đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh đạt mức lợi nhuận cao, điều hành quản lý và phát huy các nguồn lực về vốn, tài sản và lao động của công ty, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước, đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông và các chế độ chính sách cho người lao động. Thực hiện báo cáo, công bố thông tin đầy đủ đúng quy định.

- Ban điều hành đã chỉ đạo thực hiện nghiêm túc việc lập báo cáo tài chính quý, năm đúng hạn, đúng chuẩn mực kế toán và các quy định của pháp luật Việt nam. Đồng thời tiếp tục củng cố, xây dựng và quan tâm đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý, nâng cao trình độ và năng lực hoạt động thực tiễn, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty trong giai đoạn hiện nay.

III. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017:

1. Tình hình thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu :

- Doanh thu thuần thực hiện năm 2017: 532.785.614.958 đồng, đạt 76,77% so với kế hoạch năm.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2017: 174.014.105.273 đồng, đạt 87,11% so với kế hoạch năm.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2016
1	<i>Khả năng thanh toán</i>			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,71	1,41
	Hệ số thanh toán tức thời	“	0,15	0,38
	Hệ số thanh toán nhanh	“	0,61	0,79
2	<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
	Hệ số nợ so với tổng tài sản	%	62,72	69,05
	Hệ số vốn CSH so với tổng nguồn vốn	%	37,28	30,95
3	<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi</i>			
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế so với DT thuần	%	26,21	25,33
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế so với tổng tài sản (ROA)	%	8,94	22,09
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế so với vốn CSH (ROE)	%	26,76	78,65
4	<i>Tỷ lệ chi phí QLDN so với doanh thu</i>	%	6,30	5,17

2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31/12/2017 (dạng tóm tắt)

(Đvt: 1.000 đ)

Mã số	Tài sản	Số cuối kỳ	Số đầu năm 2017
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN	1.148.080.968	1.443.228.289
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	97.788.507	394.660.720
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	100.000.000
121	Chứng khoán kinh doanh	-	-
122	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		
130	Các khoản phải thu ngắn hạn	310.983.796	315.421.986
131	Phải thu khách hàng	162.021.888	234.253.235
135	Phải thu ngắn hạn khác	101.949.132	24.020.174
137	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(5.881.056)	(5.639.926)
140	Hàng tồn kho	735.699.887	631.141.593
141	Hàng tồn kho	736.019.887	631.461.593
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(320.000)	(320.000)
150	Tài sản ngắn hạn khác	3.608.778	2.003.988
200	TÀI SẢN DÀI HẠN	401.427.712	131.285.382
210	Các khoản phải thu dài hạn	240.000	-
220	Tài sản cố định	13.450.253	9.623.862
221	Tài sản cố định hữu hình	11.482.266	7.648.481
222	Nguyên giá	28.729.084	23.292.114
223	Giá trị hao mòn lũy kế	(17.246.818)	(15.643.633)
227	Tài sản cố định vô hình	1.967.987	1.975.381
228	Nguyên giá	1.984.623	1.984.623
229	Giá trị hao mòn lũy kế	(16.636)	(9.242)
230	Bất động sản đầu tư	131.923.414	-
231	Nguyên giá	133.781.490	-
232	Giá trị hao mòn lũy kế	(1.858.076)	-
240	Tài sản dở dang dài hạn	-	94.665.926
241	Chi phí SXKD dở dang dài hạn	-	-
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	94.665.926
250	Đầu tư tài chính dài hạn	242.394.834	3.242.476
260	Tài sản dài hạn khác	13.419.211	23.753.116
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.549.508.681	1.574.513.671

Mã số	Nguồn vốn	Số cuối kỳ	Số đầu năm 2017
300	NỢ PHẢI TRẢ	971.827.947	1.087.161.506
310	Nợ ngắn hạn	671.943.054	1.025.220.760
311	Phải trả cho người bán	50.072.846	11.872.180
312	Người mua trả tiền trước	6.876.305	308.724.221

313	Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	25.422.619	93.309.155
315	Chi phí phải trả	329.000.845	309.971.551
319	Phải trả ngắn hạn khác	57.823.124	75.294.236
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	190.489.883	218.313.085
322	Quỹ khen thưởng phúc lợi	8.410.816	2.788.896
330	Nợ dài hạn	299.884.893	61.940.745
336	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	95.341.475	45.640.745
337	Phải trả dài hạn khác	100.000.000	-
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	104.150.000	16.300.000
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU	577.680.734	487.352.165
410	Vốn chủ sở hữu	577.503.974	487.175.405
411	Vốn góp của chủ sở hữu	395.999.890	198.000.000
412	Thặng dư vốn cổ phần	1.940	1.940
415	Cổ phiếu quỹ	(110)	(110)
418	Quỹ đầu tư phát triển	2.101.475	2.000.000
421	Lợi nhuận chưa phân phối	167.062.809	278.353.964
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	12.337.970	8.819.610
430	Nguồn kinh phí và quỹ khác	176.757	176.759
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.549.508.681	1.574.513.671

3. Tình hình thực hiện chế độ LĐTL

- Lao động bình quân năm 2017 trong toàn Group là: 165 người
- Tiền lương bình quân: 12,46 triệu đồng/người-tháng, so với năm 2016 là 9,612 triệu đồng/người-tháng, tăng 29%.
- Thu nhập bình quân năm 2017 là 14,82 triệu đồng/người-tháng.
- Công ty thực hiện đúng và đầy đủ việc trích nộp BHXH, BHYT và Bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo chế độ quy định hiện hành.

4. Công tác đầu tư thực hiện dự án:

- Công ty đang tiếp tục tập trung hoàn tất các thủ tục cấp chủ quyền nhà đất cho khách hàng tại các dự án đã hoàn thành nhằm thu hồi vốn phục vụ cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Dự án Saigonres Plaza Quận Bình Thạnh, gồm 02 block chung cư với 749 căn hộ và 9.386 m² sàn thương mại đã hoàn thiện đưa vào khai thác sử dụng từ cuối năm 2016. Tổng mức đầu tư của dự án 960 tỷ đồng. Trong năm 2017, Công ty đã xử lý hầu hết các vấn đề tồn đọng tại dự án và hoàn tất công tác bàn giao nhà cho khách hàng. Hiện đang hoàn tất các thủ tục nộp tiền sử dụng đất làm cơ sở cấp chủ quyền nhà cho khách hàng theo quy định.
- Dự án Chung cư An Phú Đông- Quận 12: diện tích khuôn viên 6.924,8 m², gồm 01 block chung cư 16 tầng với 308 căn hộ. Dự án đang được triển khai thi công theo thiết kế quy hoạch được duyệt, dự kiến hoàn thành vào cuối quý 3 năm 2018. Hiện Công ty đã hoàn tất các thủ tục theo quy định đối với nhà ở xã hội và triển khai bán sản phẩm tại dự án.

- Dự án Saigonres Condotel Vũng Tàu với quy mô 8.816 m² gồm trên 1.100 căn hộ và 120 phòng khách sạn, đã được UBND Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu chấp thuận chủ trương đầu tư cho Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Du lịch Phước Lộc (**100% vốn của Saigonres**), hiện đang hoàn tất thủ tục cấp phép xây dựng theo quy định. Dự kiến trong quý 2/2018 sẽ triển khai thi công xây dựng theo thiết kế quy hoạch được duyệt.
 - Với các dự án đang triển khai hoàn tất các thủ tục đầu tư làm cơ sở tiến hành khởi công xây dựng theo quy hoạch được duyệt.
 - + Dự án Saigonres An Phú 1 (An Phú River view) Phường Hiệp Bình Chánh Thủ Đức: diện tích khuôn viên 4.917m², gồm 01 block chung cư 19 tầng 288 căn hộ với tổng mức đầu tư 375 tỷ đồng. Dự án đang hoàn tất thủ tục đầu tư, dự kiến trong quý 3 năm 2018 sẽ triển khai thi công theo thiết kế quy hoạch được duyệt.
 - + Dự án Saigonres An Phú 2 (An Phú Residences) Phường Hiệp Bình Chánh Thủ Đức: diện tích khuôn viên 5.207m², gồm 01 block chung cư 20 tầng với 320 căn hộ. Dự án đã nộp tiền sử dụng đất và đang hoàn tất thủ tục xin cấp phép xây dựng làm cơ sở triển khai thi công vào cuối năm 2018.
 - + Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở cao tầng kết hợp trung tâm thương mại dịch vụ (Gem Premium) Phường Hiệp Bình Chánh Quận Thủ Đức - quy mô 67.221 m², hiện đang hoàn tất các thủ tục pháp lý theo hợp đồng hợp tác đầu tư đã ký với Công ty CP Địa ốc Đất Xanh. Trên cơ sở hợp đồng hợp tác đầu tư đã ký, pháp nhân mới là Công ty Sài Gòn Riverside đã được UBND Thành phố ban hành quyết định công nhận chủ đầu tư. Hiện Liên doanh đang điều chỉnh quy hoạch 1/500 và hoàn tất các thủ tục đầu tư theo quy định làm cơ sở triển khai thực hiện dự án theo thiết kế quy hoạch được duyệt.
- Công tác mở đường theo quy hoạch vào dự án hiện đang phối hợp cùng với ủy ban nhân dân Quận Thủ Đức điều chỉnh quy hoạch cục bộ với lộ giới 13m theo ý kiến chỉ đạo của UBND Thành phố đồng thời hoàn tất các thủ tục pháp lý tiến hành đền bù giải phóng mặt bằng theo quy định.
- + Dự án cải tạo cụm Lô chữ Thanh Đa Phường 27 Quận Bình Thạnh với quy mô khoảng 15 ha, đang trong quá trình điều chỉnh cục bộ các chỉ tiêu và phê duyệt quy hoạch 1/500 tại UBND Quận Bình Thạnh làm cơ sở lập dự án đầu tư theo ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố. Hiện Công ty đang tiếp tục đền bù phần đất nằm trong dự án Chung cư An Dương trước đây để triển khai xây dựng khu tái định cư làm cơ sở triển khai thực hiện dự án.
 - + Dự án nhà máy nước khoáng khu du lịch và nhà ở sinh thái Văn Lâm Bình Thuận đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư với quy mô 52,1 ha, trong đó Nhà máy nước khoáng là 02 ha và Khu du lịch và nhà ở sinh thái là 50,1 ha. Hiện Công ty đang phối hợp cùng với đối tác đầu tư hoàn tất các thủ tục tiến hành khai thác mỏ nước khoáng theo giấy phép được cấp, đồng thời tiếp tục thỏa thuận đền bù đối với các hộ dân còn lại làm cơ sở triển khai thực hiện dự án Khu du lịch và nhà ở sinh thái theo thiết kế quy hoạch được duyệt.
- Ngoài ra Ban điều hành Công ty đang tiếp tục làm việc với các Sở ban ngành Thành phố cùng các đơn vị liên quan và các đối tác để tiếp nhận thực hiện các dự án mới tại Quận 9; 12; Tân Bình ...

5. *Tình hình thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT:*

- Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Công ty đã chi trả cổ tức năm 2016 là 110% tính trên vốn điều lệ, trong đó 10% bằng tiền mặt tương ứng với số tiền là 19.799.989.000 đồng và 100% bằng cổ phiếu tương ứng 19.799.989 cổ phiếu (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu), tương đương với số tiền 197.999.890.000 đồng.
- Đã hoàn tất các thủ tục tăng vốn điều lệ tương ứng với cổ phiếu phát hành thêm (trả cổ tức cho các cổ đông). Tại thời điểm 31/12/2017, vốn điều lệ của Công ty là 395.999.890.000 đồng.
- Hoàn tất các thủ tục chuyển sàn giao dịch cổ phiếu của Công ty từ sàn đăng ký giao dịch Upcom sang niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng Quản trị. Ngày **15/01/2018**, cổ phiếu Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn (**SGR**) chính thức giao dịch trên sàn HOSE.
- Về công tác chào bán cổ phiếu ra công chúng theo phương án phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 31/3/2017: chưa hoàn tất do quyết định của Hội đồng quản trị về thời điểm phát hành. Công tác này sẽ được tiếp tục triển khai thực hiện trong năm 2018 khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Chọn Công ty Kiểm toán: Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty đã chọn Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ Tin học TP.HCM thực hiện soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ và thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm 2017 và các năm tài chính còn lại của nhiệm kỳ 2016 – 2020.
- Hoàn tất các thủ tục mua bán sát nhập, tham gia góp vốn tại các công ty thành viên theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị. Tiếp tục kiện toàn sắp xếp lại bộ máy tổ chức tại các đơn vị phòng ban... phù hợp với mục tiêu chiến lược phát triển Công ty theo định hướng của Hội đồng Quản trị. Thực hiện đầy đủ việc công bố thông tin theo quy định.

IV. Nhận xét – kiến nghị

- Ban Kiểm soát thống nhất số liệu kết quả kinh doanh năm tài chính 2017 theo báo cáo hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ Tin học TP. HCM.
- Trong năm 2017, Công ty đã nhận chuyển nhượng 100% vốn góp và tăng vốn điều lệ tại Công ty TNHH Phước Lộc để triển khai thực hiện dự án Saigonres Condotel Vũng Tàu, thành lập mới 02 Công ty thành viên trong đó 01 Công ty con (100% vốn của Saigonres) chuyên về Kinh doanh BĐS; 01 Công ty liên kết để thực hiện dự án Gem Premium, đồng thời tái cấu trúc và đưa vào hoạt động Công ty Gia Định chuyên về thi công xây lắp. Tính đến 31/12/2017 Saigonres có 06 công ty con và 02 công ty liên kết, các đơn vị thành viên đã từng bước ổn định tổ chức và hoạt động có hiệu quả.
- Hiện Công ty đang ngày càng mở rộng theo hướng tăng công ty con; liên doanh liên kết, nên việc thiết lập hoặc xem xét bổ sung điều chỉnh cho phù hợp Quy chế tài chính; Quy chế quản trị... là cần thiết để có thể tăng cường kiểm soát cũng như gia tăng tính tuân thủ. Ngoài ra Ban Điều hành cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị.

- Đối với công nợ phải thu, đề nghị Ban Điều hành xem xét rà soát lại nguyên nhân cũng như đánh giá khả năng thu hồi của những khoản công nợ tồn đọng đã lâu tại các dự án và một số công trình để sớm hoàn tất các thủ tục cần thiết nhằm thu hồi vốn cũng như lập dự phòng công nợ đúng quy định.

Trên đây là báo cáo và một số kiến nghị của BKS liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Kính trình Đại hội.

TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng ban



Nguyễn Hồng Phát

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2018

TỜ TRÌNH

(V/v: *Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017*)

Kính thưa: Đại Hội Đồng Cổ Đông

- Căn cứ Điều lệ của Công ty về việc phân phối lợi nhuận;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 tổ chức ngày 31/3/2017;
- Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 của Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp. HCM kiểm toán và xác nhận.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội Đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

Đvt: VNĐ

DIỄN GIẢI	SỐ TIỀN
- Lợi nhuận sau thuế năm 2017	139.653.381.347
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (5% lợi nhuận 2017)	6.982.669.067
- Chi cổ tức năm 2017 là 25% trên VDL	98.999.948.000
+ Chi trả cổ tức bằng tiền mặt 10%	39.599.978.000
+ Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu 15%	59.399.970.000
- Lợi nhuận năm 2017 còn lại sau khi phân phối	33.670.764.280

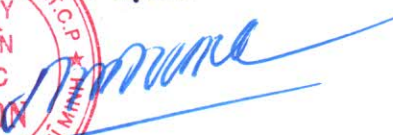
Thời gian dự kiến thực hiện chi trả cổ tức:

- Đối với cổ tức chi trả bằng tiền: Trong quý 3/2018;
- Đối với cổ tức chi trả bằng cổ phiếu: Sau khi được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục cần thiết để chi trả cổ tức theo quy định.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông
- Ban TGD, ban KS
- Website Công ty
- VP và P. NV

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Phạm Thu


Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2018

TỜ TRÌNH

(V/v: Phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ)

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng Quản trị (HĐQT) Công ty kính trình Quý cổ đông thông qua việc “Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ” như sau:

Căn cứ pháp lý:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 và các văn bản hướng dẫn;
- Luật Chứng khoán sửa đổi bổ sung số 62/2010/QH ngày 24/11/2010 và văn bản hướng dẫn;
- Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị định số 60/2012/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015 của Bộ tài chính về việc hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn;



I. TÓM TẮT PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH

Công ty dự kiến phát hành là 15.939.997 cổ phiếu tương đương 40% số lượng cổ phiếu hiện có để tăng vốn điều lệ từ 395.999.890.000 đồng lên 555.399.860.000 đồng.

A. Thông tin cổ phiếu trước phát hành

- | | | |
|--------------------------|-----------------|----------|
| - Vốn điều lệ hiện tại | 395.999.890.000 | đồng |
| - Cổ phiếu đã phát hành | 39.599.989 | cổ phiếu |
| - Cổ phiếu quỹ | 11 | cổ phiếu |
| - Cổ phiếu đang lưu hành | 39.599.978 | cổ phiếu |

B. Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành thêm

Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành thêm	15.939.997	cổ phiếu
---	------------	----------

Trong đó:

- | | | |
|--|------------|----------|
| - Trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 15% vốn điều lệ | 5.939.997 | cổ phiếu |
| - Phát hành chào bán ra công chúng hoặc riêng lẻ (tương đương 25% vốn điều lệ) | 10.000.000 | cổ phiếu |

C. Số lượng cổ phiếu dự kiến sau phát hành thêm: 55.539.986 cổ phiếu (trong đó có 11 cổ phiếu quỹ)

II. CHI TIẾT PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH

1. Phát hành cổ phiếu trả cổ tức (15%):

- Loại cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành để trả cổ tức theo tỷ lệ 15% vốn điều lệ là: 5.939.997 cổ phiếu.
- Đối tượng được chia cổ tức bằng cổ phiếu: Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt Danh sách cổ đông để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp theo quy định.
- Mỗi cổ đông sở hữu một cổ phiếu sẽ được nhận 0,15 cổ phiếu.
- Phương án xử lý cổ phiếu lẻ: *Số lượng cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức bằng cổ phiếu khi chia cho các cổ đông sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống (nếu có) sẽ bị hủy và được quy đổi thành tiền mặt theo mệnh giá.*

Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện phát hành thêm cổ phiếu để chi trả cổ tức với tỷ lệ thực hiện quyền là 15% (tương đương 100:15), cổ đông Nguyễn Văn A hiện đang sở hữu 250 cổ phiếu. Khi đó, cổ đông A sẽ được nhận thêm tương ứng là $(250 \times 15) : 100 = 37,5$ cổ phiếu. Theo phương án xử lý cổ phiếu lẻ, số lượng cổ phiếu của cổ đông A được nhận sau khi làm tròn xuống hàng đơn vị là 37 cổ phiếu. Số cổ phiếu lẻ 0,5 cổ phiếu hàng thập phân sẽ bị hủy và được quy đổi thành tiền mặt là $0,5 \times 10.000 = 5.000$ đồng.

- Thời gian phát hành dự kiến: Trong năm 2018 sau khi nhận được sự cho phép phát hành của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Nguồn để trả cổ tức bằng cổ phiếu: được lấy từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến thời điểm phát hành và các nguồn phù hợp khác theo quy định trên Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán hoặc soát xét của Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn.

2. Phát hành thêm cổ phiếu

- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông, không hạn chế chuyển nhượng.
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu chào bán: Dự kiến 10.000.000 (Mười triệu) cổ phiếu.
- Hình thức phát hành: Chào bán ra công chúng hoặc riêng lẻ.
- Đối tượng: Tổ chức cá nhân nhà đầu tư trong và ngoài nước có tiềm lực về tài chính, kinh nghiệm sản xuất kinh doanh.

- Thời gian dự kiến chào bán: Dự kiến trong năm 2018, sau khi phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2017 và sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
- Giá chào bán: Đại hội đồng cổ công (ĐHĐCĐ) ủy quyền cho HĐQT quyết định chọn mức giá chào bán phù hợp tại thời điểm phát hành.
- Nguyên tắc xác định giá chào bán:
 - ✦ Giá trị sổ sách tại thời điểm gần nhất (căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán/Soát xét của Công ty).
 - ✦ Giá thị trường: Bình quân giá đóng cửa của cổ phiếu SGR trong 30 phiên gần nhất;
 - ✦ Giá trị sổ sách và giá thị trường của cổ phiếu SGR sẽ có thể pha loãng sau khi Công ty phát hành cổ phiếu trả cổ tức.
- Mức độ pha loãng cổ phiếu sau khi phát hành: Đợt chào bán cổ phiếu có thể làm (i) Pha loãng giá cổ phiếu trong trường hợp giá chào bán thấp hơn giá đóng cửa của cổ phiếu SGR tại ngày giao dịch không hưởng quyền đối với quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu (ii) Pha loãng thu nhập trên 1 cổ phiếu (EPS): Chỉ số EPS có thể giảm (bị pha loãng) do tổng số lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên so với hiện tại và việc sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành chưa tạo ra ngay doanh thu và lợi nhuận.
- Mục đích chào bán và phương án sử dụng vốn: Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán được sử dụng đầu tư dự án Saigonres Condotel và/hoặc bổ sung vốn cho hoạt động của Công ty. HĐQT ủy quyền cho HĐQT cân đối sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán phù hợp với tình hình thực tế của Công ty. Trong trường hợp chào bán không đạt kỳ vọng như dự kiến, HĐQT sẽ xem xét huy động từ các nguồn vốn hợp pháp khác, điều chỉnh cơ cấu vốn (sử dụng nguồn vốn vay) để thực hiện kế hoạch đầu tư.

III. THÔNG QUA VIỆC ỦY QUYỀN

- Ủy quyền cho HĐQT lập phương án chi tiết, cụ thể phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức và thực hiện công việc sửa đổi bổ sung, giải trình ...theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để thực hiện việc chi trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu thành công và đúng quy định.
- Ủy quyền cho HĐQT thực hiện việc niêm yết bổ sung tại HOSE và lưu ký bổ sung tại VSD số lượng cổ phiếu phát hành trả cổ tức.
- Ủy quyền cho HĐQT lập phương án chi tiết, cụ thể phương án phát hành cổ phiếu phát hành thêm trong số lượng 10 triệu cổ phiếu nêu trên và thực hiện công việc sửa đổi bổ sung, giải trình ...theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để thực hiện việc phát hành thêm thành công theo quy định.
- Ủy quyền cho HĐQT xác định giá bán cổ phiếu phù hợp với tình hình thực tế tại thời điểm phát hành. Ngoài ra nếu phát hành riêng lẻ thì Ủy quyền cho HĐQT sẽ xác định tiêu chí, danh sách các nhà đầu tư, để thực hiện chào bán số cổ phiếu phát hành thêm và nếu có bảo lãnh phát hành thì Ủy quyền cho HĐQT đàm phán, ký kết các hợp đồng bảo lãnh phát hành nhằm phân phối tối đa số cổ phiếu của đợt phát hành này.

- Trường hợp phát hành ra công chúng không thành công thì ủy quyền cho HĐQT chào bán số lượng cổ phiếu còn lại với mức giá không thấp hơn 85% giá trung bình chào bán đợt đầu (có thể chào bán cho cổ đông chiến lược).
- Ủy quyền cho HĐQT thực hiện việc niêm yết bổ sung tại HOSE và lưu ký bổ sung tại VSD số lượng cổ phiếu phát hành phát hành thêm khi hoàn tất đợt phát hành.
- Ủy quyền cho HĐQT thực hiện các công việc cần thiết để thay đổi đăng ký doanh nghiệp và sửa đổi điều lệ Công ty cho từng đợt phát hành liên quan đến vốn điều lệ mới sau khi hoàn thành việc phát hành;
- Ủy quyền cho HĐQT triển khai phương án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán theo đúng mục đích chào bán, đảm bảo lợi ích của cổ đông, Công ty, tuân thủ quy định của pháp luật và báo cáo ĐHCĐ trong kỳ họp ĐHCĐ gần nhất;
- Triển khai thực hiện tất cả các thủ tục cần thiết khác để hoàn thành việc chào bán cổ phiếu theo phương án nêu trên. Tùy từng trường hợp cụ thể, HĐQT được ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT để thực hiện một hoặc một số các công việc cụ thể nêu trên đây.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông
- Ban TGD, ban KS
- Website Công ty
- VP và P. NV

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



[Signature]
Phạm Thu

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2018

TỜ TRÌNH

*(V/v: Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát
và mức trích thưởng cho ban điều hành và cán bộ quản lý)*

Kính thưa: Đại Hội Đồng Cổ Đông,

Hội đồng Quản trị xin báo cáo về thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2017 và đề xuất mức chi trả thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và thưởng cho Ban điều hành, cán bộ quản lý năm 2018 như sau:

1. Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2017:

Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát đã thanh toán trong năm 2017 là 816.000.000 đồng (tương đương 0,58% lợi nhuận sau thuế).

Với mức thù lao chi trả như trên thấp hơn nhiều so với mức được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 phê chuẩn là không vượt quá 2,5% lợi nhuận sau thuế. Mức thù lao này chỉ bằng 23% so với mức thù lao được Đại hội đồng cổ đông thông qua (0,58% so với 2,5% lợi nhuận sau thuế)

2. Đề xuất cho năm 2018:

- Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2018 được quy định mức tối thiểu như năm 2017 và không vượt quá 1,5% lợi nhuận sau thuế.
- Mức trích thưởng cho Ban điều hành và cán bộ quản lý các phòng ban đơn vị trực thuộc hoàn thành kế hoạch lợi nhuận năm 2018 không vượt quá 10% lợi nhuận sau thuế và được hạch toán vào chi phí Công ty.

Kính trình Đại hội xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông
- Ban TGD, ban KS
- Website Công ty
- VP và P. NV

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH


Phạm Thu

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2018

TỜ TRÌNH

(V/v: Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc trong năm 2018)

Kính thưa: Đại Hội Đồng Cổ Đông

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 26 Điều lệ của Công ty, việc Chủ tịch Hội đồng Quản trị đồng thời là Tổng Giám đốc Công ty phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét chấp thuận hàng năm.

Tại đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017, Đại hội đã thống nhất Ông Phạm Thu – Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty. Trong năm 2017, Ông Phạm Thu đã hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Do vậy, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận việc Ông Phạm Thu – Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty cho năm tài chính 2018.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông
- Ban TGD, ban KS
- Website Công ty
- VP và P. NV

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
P. CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Mai Thanh

Tp Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2018

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua Điều lệ mới thay thế Điều lệ hiện hành)

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 và Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 70/2006/QH11;
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-BTC ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-BTC ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Cổ phần Cổ phần Địa ốc Sài Gòn;

Hội đồng Quản trị Cổ phần Cổ phần Địa ốc Sài Gòn kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua bản dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty thay thế cho bản Điều lệ hiện hành. (Dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động được đính kèm Tờ trình này).

Nội dung của Điều lệ mới được xây dựng dựa trên cơ sở tham chiếu bản Điều lệ mẫu tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC và nhu cầu thực tế, đặc thù trong tổ chức hoạt động, quản trị điều hành của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, cho ý kiến và thông qua.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông
- Ban TGD, ban KS
- Website Công ty
- VP và P. NV

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Thu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC SÀI GÒN

Trụ sở: 63-65 Điện Biên Phủ, P15, Q.Bình Thạnh TP.HCM

Điện thoại: 38.405.546 - 38.405.549 Fax: 38.405.553

Email: saigonres@hcm.vnn.vn Website: saigonres.com



ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

Hồ Chí Minh, tháng 04-2018

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn thông qua (dưới đây gọi là “Công ty”) là cơ sở pháp lý cho hoạt động của công ty Cổ phần, thành lập theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014, Luật chứng khoán ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24/11/2010; Nghị định 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng. Điều lệ, các quy định của Công ty, các Nghị quyết của Cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được sửa đổi bổ sung lần thứ nhất vào ngày 20 tháng 4 năm 2002, lần thứ hai vào ngày 31 tháng 8 năm 2006, lần thứ ba vào ngày 11 tháng 12 năm 2009, lần thứ tư tháng 04 năm 2011, lần thứ năm tháng 03 năm 2017 và lần thứ sáu tháng 04 năm 2018

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ, thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những từ, thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. **Vốn điều lệ:** là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 Điều lệ này.
 - b. **Luật Doanh nghiệp:** là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.
 - c. **Luật chứng khoán:** là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010.
 - d. **Ngày thành lập:** là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
 - e. **Người điều hành doanh nghiệp:** là Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
 - f. **Người có liên quan:** là cá nhân/tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.
 - g. **Cổ đông lớn:** là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán
 - h. **Thời hạn hoạt động:** là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.
 - i. **Việt Nam:** là nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những quy định sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế chúng.
3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
4. Các từ, thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

Điều 2. Tên doanh nghiệp, trụ sở chính và thời hạn hoạt động

1. Tên Công ty
 - a. Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC SÀI GÒN
 - b. Tên tiếng Anh: SAIGON REAL ESTATE JOINT STOCK COMPANY
 - c. Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC SÀI GÒN
 - d. Tên viết tắt: SAIGONRES
2. Công ty Cổ phần Địa Ốc Sài Gòn là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

Địa chỉ: 63-65 Điện Biên Phủ, P. 15, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM.

Điện thoại: 38.405.549 – 38.405.550 Fax: 38.405.553

Website : www.saigonres.com.vn

Email: saigonres@hcm.vnn.vn

Logo:



4. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Người đại diện theo pháp luật của Công ty.
5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi pháp luật cho phép.
6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 51 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 52 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập, thời điểm kết thúc do Đại hội đồng cổ đông quyết định hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh

1. Lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Đầu tư kinh doanh và cho thuê nhà ở. Cho thuê cao ốc văn phòng	6810 (Chính)
2	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, sửa chữa nội thất, Xây dựng công trình thủy lợi và công trình đường ống cấp thoát nước. Xây dựng công trình điện và công trình cầu cảng	4290
3	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: trang trí nội thất (trừ thiết kế công trình xây dựng)	7410
4	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng và trang trí nội thất	2392
5	Xây dựng nhà các loại: Chi tiết: Xây dựng nhà ở	4100
6	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: kinh doanh, xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng và trang trí nội thất	4663
7	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn xây dựng và thiết kế. Đo đạc - bản đồ	7110
8	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Khai thác khoáng sản (chỉ được hoạt động khi được cấp phép theo qui định của pháp luật)	0899
9	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước uống tinh khiết, nước khoáng đóng chai	1104
10	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét Chi tiết: Khai thác cát, đá, sỏi thuộc nhóm vật liệu thông thường (chỉ được hoạt động khi được cấp phép theo qui định của pháp luật)	0810
11	Chuẩn bị mặt bằng	4312

	Chi tiết: San lấp mặt bằng	
12	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ Chi tiết: làm đường giao thông nội bộ trong mặt bằng xây dựng	4210
13	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Dịch vụ tư vấn về bất động sản (trừ tư vấn pháp lý) Sàn giao dịch bất động sản. Môi giới bất động sản. Định giá bất động sản. Đấu giá bất động sản. Quảng cáo bất động sản. Quản lý bất động sản kinh doanh	6820
14	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng.	7730
15	Trồng cây ăn quả	0121
16	Trồng cây điều	0123
17	Trồng cây lâu năm khác Chi tiết: Trồng cây lâu năm	0129
18	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không hoạt động tại trụ sở)	5510
19	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không hoạt động tại trụ sở)	5610
20	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không hoạt động tại trụ sở)	5630
21	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới, ...) Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
22	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
23	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
24	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện	Ngành nghề chưa khớp mã với hệ thống ngành kinh tế Việt nam

Lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có thể thay đổi, sửa đổi, bổ sung khi đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là không ngừng củng cố và xây dựng thương hiệu SAIGONRES ngày càng lớn mạnh, phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh theo các ngành nghề quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nhằm tối đa hoá lợi nhuận, bảo vệ lợi ích của các Cổ đông, cải thiện điều kiện làm việc nâng cao thu nhập, đời sống cho CBNV và người lao động trong Công ty, đồng thời làm tròn nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, tuân thủ các quy định của pháp luật.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là Vốn điều lệ được ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.
Mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần, số lượng cổ phần của Công ty sẽ bằng vốn điều lệ chia cho mệnh giá một cổ phần.
2. Công ty có thể điều chỉnh vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Công ty không có cổ đông sáng lập.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông mới dự kiến phát hành sẽ được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu 20 ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán hoặc Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (nếu là cổ phiếu ghi danh) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng nhận cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.
3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của người sở hữu cổ phần về việc đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 2 tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày người sở hữu cổ phần thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại Phương án phát hành cổ phiếu, Công ty phải cấp chứng nhận cổ phiếu cho người sở hữu cổ phần. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Người sở hữu chứng nhận cổ phiếu phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng nhận và Công ty không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng nhận này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.
5. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, cổ đông sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Cổ đông yêu cầu cấp chứng nhận cổ phiếu mới phải Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu Người đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 8. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.
3. Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:
 - a. Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
 - b. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở Công ty;
 - c. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị;

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả khi mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định của pháp luật và quy định của Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5, 6 Điều này và trong các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ do Hội đồng quản trị quy định vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát.
4. Tổng Giám đốc.

CHƯƠNG II

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
 - b. Nhận cổ tức;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
 - d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

- e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - h. Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông đang nắm giữ loại cổ phần khác theo quy định của pháp luật;
 - i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 129 Luật Doanh nghiệp;
 - j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng có các quyền sau:
- a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tại Khoản 2 Điều 24 và Khoản 1 Điều 35 Điều lệ này.
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp
- Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ liên quan khác.
- c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.
 - d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến công tác quản trị, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký

cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

1. Tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.
6. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 4 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 6 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công

ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa so với số đầu kỳ;
- c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, kiểm soát viên ít hơn số thành viên mà pháp luật quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định tại Điều lệ này;
- d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản; Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản, trong đó mỗi bản phải có chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan.
- e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
- f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc kiểm soát viên còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d, e Khoản 3 Điều lệ này;
- b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;
- c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

- d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
 - a. Báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán;
 - b. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
2. Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề sau bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản:
 - a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
 - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - d. Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán;
 - e. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - g. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
 - i. Tổ chức lại, giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - j. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - k. Thay đổi tên, trụ sở Công ty;
 - l. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;

- m. Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 70% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - n. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - o. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty;
 - p. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - q. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy định của Công ty.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Các hợp đồng quy định tại Khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Đại diện được ủy quyền

- 1. Cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo pháp luật có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.
- 2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

- c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

- 3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
- 4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.
- 5. Quy định tại khoản 2 Điều này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện nêu tại khoản 4 Điều này trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

- 1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 51% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
- 2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt nêu trên được thực hiện tương tự theo các quy định tại Điều 18 và Điều 20 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến phân chia lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.
2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp
 - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

- c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 6 tháng;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.
- 2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 19. Thẻ thức tiến hành và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.
5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự:
7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.
9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:
 - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:
 - a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”)
 - b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này
11. Trong Điều lệ này, mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.
12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Thông qua báo cáo tài chính năm
 - b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty ;

- c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.
2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.
3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 70% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, đại chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác

của đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức được uỷ quyền
5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:
- a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu ;
 - b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu .

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Các vấn đề đã được thông qua;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Biên bản được lập bằng tiếng Việt.
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.
5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày công bố biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền yêu cầu toà án hoặc trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 20 của Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;

- c. Trình độ chuyên môn;
 - d. Quá trình công tác;
 - e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
 - f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
 - g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
 - h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
 - i. Các thông tin khác (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị và phải thông báo cho Hội đồng quản trị chậm nhất 3 ngày làm việc trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 35% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 35% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 55% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 55% đến dưới 70% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 70% trở lên được đề cử đủ số ứng cử viên.
3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 05 (năm) người và nhiều nhất là 11 (mười một) người. Số lượng cụ thể thành viên Hội đồng quản trị trong từng thời kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm 5 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 2. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.
- 3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Có đơn từ chức;
 - c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
 - g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán
5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty

Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;
 - d. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác;
 - e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
 - f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;

- h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông ;
 - i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
 - k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
 - l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
 - m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
 - n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;
 - p. Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).
3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;
 - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
 - j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
 - k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 27. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.
2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm

nhiệm chức danh Tổng Giám đốc thì phải được sự phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 29. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:
 - a. Ban kiểm soát;
 - b. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
 - c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - e. Các trường hợp khác (nếu có).
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

- a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
 - b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
 - c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
 - d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 39 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
 - e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị

được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.
14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.
15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 31. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.
2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
 - a. Có hiểu biết về pháp luật;
 - b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.
4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d. Tham dự các cuộc họp;
 - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
 - h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG IV

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 33. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành

doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.
2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;
 - f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - g. Chậm nhất đến hết ngày 31 tháng 11 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo

- trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
- h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình đề Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
 - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.
4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG V

BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 24 Điều lệ này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 36. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

- b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
- 3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
- 4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
- 5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 37. Ban kiểm soát

- 1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:
 - a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;
 - b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
 - c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;
 - d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi

- tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.
 - f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.
 3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.
 4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

CHƯƠNG VI

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 38. Trách nhiệm cẩn trọng

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 39. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được

nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;
 - c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 40. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mất cân vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.
3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
 - a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mất cân vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
 - b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG VII.

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 41. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 24 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG VIII

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐOÀN THỂ

Điều 42. Công nhân viên và các hoạt động của các tổ chức Đảng, đoàn thể

1. Hàng năm Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch trình Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bổ nhiệm, miễn nhiệm chức vụ, lao động, tiền lương, các loại bảo hiểm bắt buộc, phúc lợi, khen thưởng, kỷ luật... đối với cán bộ, công nhân viên theo quy định của pháp luật, Điều lệ, Thỏa ước lao động tập thể, nội quy, Quy chế và các quy định của Công ty.
2. Công ty tạo điều kiện về thời gian và kinh phí cho các tổ chức Đảng và đoàn thể hoạt động; Tổ chức Đảng và các đoàn thể soạn thảo quy chế phối hợp với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để đảm bảo sự hoạt động của tổ chức Đảng, đoàn thể trong doanh nghiệp hài hòa các lợi ích và đúng pháp luật.

CHƯƠNG IX

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 43. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG X

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 44. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 45. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 1 dương lịch hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 dương lịch cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 tháng 12 dương lịch ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 46. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XI

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 47. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 49 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và Cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.
4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 48. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XII KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 49. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XIII CON DẤU

Điều 50. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.
2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIV CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 51. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 52. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 53. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi

- phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
 3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Nợ thuế;
 - d. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XV

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty;
 - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu trọng tài kinh tế chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XVI BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 55. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XVII NGÀY HIỆU LỰC

Điều 56. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 17 chương 56 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Địa ốc Sài Gòn nhất trí thông qua ngày 10 tháng 04 năm 2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành năm (05) bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a. Một (01) bản nộp tại Ủy ban chứng khoán nhà nước;
 - b. Một (01) nộp tại cơ quan đăng ký doanh nghiệp;
 - c. Ba (03) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng năm 2018

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

MỤC LỤC

	Trang
CHƯƠNG I	2
QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 1. Giải thích từ, thuật ngữ	2
Điều 2. Tên doanh nghiệp, trụ sở chính và thời hạn hoạt động	3
Điều 3. Lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh	4
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	6
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần	6
Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu	7
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác	7
Điều 8. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần	7
Điều 9. Thu hồi cổ phần	8
Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty	9
CHƯƠNG II	9
CỔ ĐỒNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG	9
Điều 11. Quyền của cổ đông	9
Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông	10
Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	13
Điều 15. Đại diện được ủy quyền	14
Điều 16. Thay đổi các quyền	15
Điều 17. Triệu tập, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 19. Thủ tục tiến hành và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	17
Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 21. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	23
CHƯƠNG III	23
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	23
Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	23
Điều 25. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	24
Điều 26. Quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	25
Điều 27. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	27
Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị	28

Điều 29. Cuộc họp Hội đồng quản trị	28
Điều 30. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	31
Điều 31. Người phụ trách quản trị Công ty	31
CHƯƠNG IV	32
TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	32
Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý.....	32
Điều 33. Người điều hành doanh nghiệp	33
Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	33
CHƯƠNG V.....	34
BAN KIỂM SOÁT.....	34
Điều 35. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên.....	34
Điều 36. Kiểm soát viên.....	35
Điều 37. Ban kiểm soát	35
CHƯƠNG VI	35
CHƯƠNG VI	35
TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	36
Điều 38. Trách nhiệm cân trọng	36
Điều 39. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	36
Điều 40. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	38
CHƯƠNG VII.....	39
QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	39
Điều 41. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	39
CHƯƠNG VIII	39
CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	39
Điều 42. Công nhân viên và các hoạt động của các tổ chức Đảng, đoàn thể	39
CHƯƠNG IX	40
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	40
Điều 43. Phân phối lợi nhuận	40
CHƯƠNG X.....	40
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ	40
CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	40
Điều 44. Tài khoản ngân hàng.....	41
Điều 45. Năm tài chính	41
Điều 46. Chế độ kế toán.....	41
CHƯƠNG XI.....	41
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	41
Điều 47. Báo cáo tài chính năm, 6 tháng và quý	41

Điều 46. Báo cáo thường niên	42
CHƯƠNG XII.....	42
KIỂM TOÁN CÔNG TY	42
Điều 49. Kiểm toán	42
CHƯƠNG XIII	43
CON DẤU	43
Điều 50. Con dấu	43
CHƯƠNG XIV	43
CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG, THANH LÝ	43
Điều 51. Chấm dứt hoạt động	43
Điều 52. Gia hạn hoạt động	43
Điều 53. Thanh lý	43
CHƯƠNG XV	44
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	44
Điều 54. Giải quyết tranh chấp nội bộ	44
CHƯƠNG XVI.....	45
BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	45
Điều 54. Điều lệ Công ty	45
CHƯƠNG XVII.....	45
NGÀY HIỆU LỰC	45
Điều 55. Ngày hiệu lực	45

Tp Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2018

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua quy chế nội bộ về quản trị Công ty)

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-BTC ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-BTC ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Cổ phần Cổ phần Địa ốc Sài Gòn;

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua bản dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn. (Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty được đính kèm Tờ trình này).

Nội dung của Quy chế nội bộ về quản trị Công ty được xây dựng dựa trên cơ sở tham chiếu mẫu Quy chế nội bộ về quản trị tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính và nhu cầu thực tế, đặc thù trong tổ chức hoạt động, quản trị điều hành của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, cho ý kiến và thông qua.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông
- Ban TGD, ban KS
- Website Công ty
- VP và P. NV

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Thu

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC SÀI GÒN

Trụ sở: 63-65 Điện Biên Phủ, P15, Q.Bình Thạnh TPHCM

Điện thoại: 38.405.546 - 38.405.549

Fax: 38.405.553

Email: saigonres@hcm.vnn.vn

Website: saigonres.com.vn



QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC SÀI GÒN (SAIGONRES)

Tp. HỒ CHÍ MINH, tháng 04 năm 2018

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC SÀI GÒN (SAIGONRES)

(Ban hành kèm theo Nghị Quyết số /QĐ-ĐHĐCĐ ngày 10/04/2018 của ĐHĐCĐ)

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế nội bộ về quản trị áp dụng cho Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Quy chế này được xây dựng theo quy định của:
 - a. Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
 - b. Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006;
 - c. Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 70/2006/QH11;
 - d. Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;
 - e. Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;
 - f. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn.
 - g. Luật chứng khoán số 70 2014, Luật chứng khoán, Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 của Bộ Tài Chính quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng và Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.
2. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý của Công ty.
3. Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của Công ty.

Điều 2: Giải thích từ ngữ

1. Chữ viết tắt:
 - a. Công ty: là Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn;

- b. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn số 0301899038 do Sở KH & ĐT TP.HCM Cấp lần thứ 12 ngày 10 tháng 7 năm 2017;
- c. ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông;
- d. HĐQT: Hội đồng quản trị;
2. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
- a. **Quản trị công ty:** là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:
- Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
 - Đảm bảo hiệu quả hoạt động của HĐQT, BKS;
 - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
 - Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
 - Công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty
- b. **Công ty đại chúng:** là công ty cổ phần được quy định tại khoản 1 Điều 25 Luật chứng khoán;
- c. **Cổ đông lớn:** là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;
- d. **Người quản lý doanh nghiệp:** được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật doanh nghiệp;
- e. **Người điều hành doanh nghiệp:** là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quyết định của HĐQT trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc;
- f. **Thành viên HĐQT không điều hành:** là thành viên HĐQT không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
- g. **Thành viên độc lập HĐQT:** là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp;
- h. **Người phụ trách quản trị công ty:** là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 18 Nghị định 71/2017/NĐ-CP;
- i. **Người có liên quan:** là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;
3. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.
4. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về quản trị công ty khác với quy định tại Nghị định này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.

CHƯƠNG II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐHĐCĐ

Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ

Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật chứng khoán áp dụng cho các Công ty niêm yết.

Điều 4. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ

1. Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.
2. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).
3. Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;
 - c. Phiếu biểu quyết;
 - d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ

Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

Điều 6. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết trong ĐHĐCĐ

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ

theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

2. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Điều 7. Cách thức kiểm phiếu

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 20 Điều lệ Công ty, các quyết định của ĐHĐCĐ về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ:
 - a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
 - b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;
 - c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT, BKS và báo cáo việc HĐQT bổ nhiệm Tổng giám đốc;
 - d. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.
2. Bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.
3. Các quyết định của ĐHĐCĐ liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 70% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
4. Các nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 8. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề.

Điều 9. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ

1. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 10. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
4. Biên bản họp ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.
5. Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 11. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ

Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật chứng khoán.

Điều 12. Việc ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề được quy định tại khoản 2 điều 143 của Luật doanh nghiệp được quyền lấy ý kiến bằng văn bản.
2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ công ty.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.
5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:
- a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Các vấn đề đã được thông qua;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

CHƯƠNG III

THÀNH VIÊN HĐQT

Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp.
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.
3. Thành viên HĐQT công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác

Điều 14. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị và phải thông báo cho Hội đồng quản trị chậm nhất 3 ngày làm việc trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 35% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 35% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 55% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 55% đến dưới 70% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 70% trở lên được đề cử đủ số ứng cử viên.

Điều 15. Cách thức bầu thành viên HĐQT

Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu

nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

1. Không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;
2. Có đơn từ chức;
3. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
4. Không tham dự các cuộc họp của HĐQT trong vòng sáu (06) tháng liên tục mà không có sự chấp thuận của HĐQT;
5. Theo quyết định của ĐHĐCĐ;
6. Cố tình cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên HĐQT gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín, hình ảnh và lợi ích của Công ty.

Điều 17. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 18. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp ĐHĐCĐ và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

1. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
2. Trình độ học vấn;
3. Trình độ chuyên môn;
4. Quá trình công tác;

5. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;
6. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của Công ty;
7. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
8. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có); \
9. Các thông tin khác (nếu có).

CHƯƠNG IV

HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19. Thông báo họp HĐQT

1. Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
2. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

Điều 20. Điều kiện tổ chức họp HĐQT

1. Các cuộc họp của HĐQT được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.
2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

Điều 21. Cách thức biểu quyết

1. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 29 Điều lệ công ty, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết;

2. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
3. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 29 Điều lệ Công ty, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên HĐQT mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;
4. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 39 Điều lệ công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
5. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 22. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT

1. HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.
2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 23. Ghi biên bản họp HĐQT

Biên bản họp HĐQT phải được ghi đầy đủ, trung thực. HĐQT có thể yêu cầu một thành viên HĐQT hoặc một người khác làm thư ký ghi biên bản họp.

Điều 24. Thông báo nghị quyết HĐQT

Nghị quyết HĐQT phải được thông báo tới các bên có liên quan theo quy định tại Điều lệ công ty.

CHƯƠNG V KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 25. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

1. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

2. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

Điều 26. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 24 Điều lệ công ty.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế này. Cơ chế BKS đương nhiệm đề cử ứng viên BKS phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 27. Cách thức bầu kiểm soát viên

Việc biểu quyết bầu BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty

Điều 28. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục mà không được sự chấp thuận của BKS;
 - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - c. Theo quyết định của ĐHĐCĐ;

Điều 29. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.

CHƯƠNG VI

CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

Điều 30. Các tiểu ban thuộc HĐQT

HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập HĐQT/thành viên HĐQT không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của HĐQT. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.

Điều 31. Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban

Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VII

NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 32. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp

1. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước HĐQT và chịu sự giám sát, chỉ đạo của HĐQT trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do HĐQT bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết HĐQT.
2. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

Điều 33. Tổng giám đốc

1. HĐQT bổ nhiệm một (01) thành viên HĐQT hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.
2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
 - b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của HĐQT, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - c. Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để HĐQT quyết định;
 - f. Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - g. Chậm nhất đến hết ngày 31 tháng 11 hàng năm, trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
 - h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

- i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động ký với Công ty.
4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.
5. HĐQT có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 34. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp khác

Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định.

Điều 35. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp

Công ty ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật lao động.

Điều 36. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Người điều hành doanh nghiệp bị miễn nhiệm trong các trường hợp theo quy định tại Điều lệ Công ty và hợp đồng lao động đã ký kết.

Điều 37. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.

CHƯƠNG VIII

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 38. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS

1. Trách nhiệm của HĐQT trong mối quan hệ phối hợp với BKS
 - a. Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các thành viên BKS cùng thời gian gửi đến các thành viên HĐQT;
 - b. Các nghị quyết của HĐQT được gửi đến BKS (đồng thời với thời điểm gửi Tổng giám đốc) trong thời hạn theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty;
 - c. Khi BKS đề xuất lựa chọn Kiểm toán độc lập, HĐQT phải phản hồi ý kiến theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty;
 - d. Các nội dung khác cần xin ý kiến của BKS phải được gửi trong thời hạn quy định và BKS có trách nhiệm phản hồi theo đúng quy định tại Quy chế này và Điều lệ công ty.

2. Trách nhiệm của BKS trong mối quan hệ phối với HĐQT

- a. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ;
- b. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT (cùng lúc yêu cầu Tổng giám đốc điều hành, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà thành viên BKS quan tâm;
- c. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng căn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất;
- d. Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên HĐQT, BKS thông báo bằng văn bản tới HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm pháp luật chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả đồng thời BKS có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ đồng thời báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;
- e. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của công ty thì BKS phải gửi văn bản và tài liệu liên quan trước ít nhất 15 ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.
- f. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là 7 ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày làm việc

Điều 39. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Tổng giám đốc

1. Đối với công tác tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, HĐQT phải thông báo cho Tổng giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trong thời hạn hợp lý theo quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Trong trường hợp cấp thiết, HĐQT có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, cán bộ điều hành khác trong công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của công ty. HĐQT không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
3. Các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT phê duyệt theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty mà được Tổng giám đốc đề xuất phải được HĐQT phản hồi trong thời hạn theo quy định của Điều lệ Công ty.

4. Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc hoàn thành hoặc không hoàn thành thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng giám đốc.

Điều 40. Việc tiếp cận thông tin

1. Việc tiếp cận thông tin và tài liệu của Công ty, BKS có nghĩa vụ nêu lý do trong văn bản yêu cầu cung cấp và bảo mật tuyệt đối các thông tin thu thập trong quá trình giám sát hoạt động công ty. Việc tiết lộ các thông tin này chỉ được phép thực hiện khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền nhưng phải thông báo cho HĐQT trước khi cung cấp hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Các thông tin và tài liệu này bao gồm:
 - a. Thông báo mời họp cùng tài liệu liên quan, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT;
 - b. Biên bản, Nghị quyết của HĐQT;
 - c. Báo cáo của Tổng giám đốc;
 - d. Thông tin, tài liệu về quản lý, báo cáo tài chính;
 - e. Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT;
 - f. Tài liệu khác liên quan.

Điều 41. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng giám đốc

BKS có chức năng kiểm tra và giám sát.

1. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu Tổng giám đốc (cùng lúc yêu cầu cả thành viên HĐQT và thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên BKS quan tâm;
2. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất;
3. Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm điều lệ công ty của Tổng giám đốc, BKS thông báo bằng văn bản với Tổng giám đốc trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả đồng thời BKS có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ đồng thời công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;
4. Thành viên BKS có quyền yêu cầu Tổng giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;

5. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của BKS phải được gửi đến công ty trước ít nhất 48 giờ. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Các nội dung khác cần xin ý kiến của Tổng giám đốc: phải được gửi trước ít nhất là 7 ngày làm việc và Tổng giám đốc sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày làm việc.

Điều 42. Phối hợp giữa Tổng giám đốc và HĐQT, BKS.

1. Tổng giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của công ty, đảm bảo công ty hoạt động liên tục và hiệu quả;
2. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu;
3. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn 7 ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;
4. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;
5. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là 7 ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày

CHƯƠNG IX

NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 43. Tiêu chuẩn của người phụ trách quản trị công ty

Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

1. Có hiểu biết về pháp luật;
2. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
3. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của HĐQT.

Điều 44. Quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị công ty

1. Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
2. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;

3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
4. Tham dự các cuộc họp;
5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;
6. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và Kiểm soát viên;
7. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của công ty.
8. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
9. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 45. Việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty

HĐQT chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại.

Điều 46. Các trường hợp miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty

HĐQT có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.

Điều 47. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán

CHƯƠNG X

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 48. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của HĐQT, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 49. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì

mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
4. Trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới HĐQT. Đồng thời, HĐQT đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan;
 - b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;
 - c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc ĐHĐCĐ thông qua.

Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông

tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 50. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cưỡng và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên HĐQT, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.
3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
 - a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
 - b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI

SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 51. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này sẽ do HĐQT xem xét và quyết định.
2. Trong trường hợp những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

CHƯƠNG XII

NGÀY HIỆU LỰC

Điều 52. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 12 chương 52 điều, được ĐHĐCĐ thông qua ngày 10 tháng 04 năm 2018.
2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty.
3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc ít nhất $\frac{1}{2}$ tổng số thành viên HĐQT mới có giá trị.

TM.CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC SÀI GÒN
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

MỤC LỤC

Chương I.	Quy định chung.....	2
Điều 1.	Phạm vi điều chỉnh	2
Điều 2.	Giải thích từ ngữ.....	3
Chương II.	Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại ĐHĐCĐ	4
Điều 3.	Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ.....	4
Điều 4.	Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ.....	4
Điều 5.	Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ.....	4
Điều 6.	Cách thức bỏ phiếu biểu quyết trong ĐHĐCĐ.....	5
Điều 7.	Cách thức kiểm phiếu	5
Điều 8.	Thông báo kết quả kiểm phiếu	6
Điều 9.	Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ	6
Điều 10.	Lập biên bản họp ĐHĐCĐ	6
Điều 11.	Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ	7
Điều 12.	Việc ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	7
Chương III.	Thành viên HĐQT	9
Điều 13.	Tiêu chuẩn thành viên HĐQT	9
Điều 14.	Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT	10
Điều 15.	Cách thức bầu thành viên HĐQT	10
Điều 16.	Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	10
Điều 17.	Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	11
Điều 18.	Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT	11
Chương IV.	Họp HĐQT	11
Điều 19.	Thông báo họp HĐQT	12
Điều 20.	Điều kiện tổ chức họp HĐQT	12
Điều 21.	Cách thức biểu quyết	12
Điều 22.	Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT	13

Điều 23.	Ghi biên bản họp HĐQT	13
Điều 24.	Thông báo nghị quyết HĐQT	13
Chương V.	Kiểm soát viên	13
Điều 25.	Tiêu chuẩn Kiểm soát viên	13
Điều 26.	Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên	13
Điều 27.	Cách thức bầu kiểm soát viên	14
Điều 28.	Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	14
Điều 29.	Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	14
Chương VI.	Các tiểu ban thuộc HĐQT.	15
Điều 30.	Các tiểu ban thuộc HĐQT	15
Điều 31.	Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban	15
Chương VII.	Người điều hành doanh nghiệp	15
Điều 32.	Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp	15
Điều 33.	Tổng giám đốc	15
Điều 34.	Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp khác	17
Điều 35.	Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp	14
Điều 36.	Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp	17
Điều 37.	Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp	17
Chương VIII.	Phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS và Tổng giám đốc	17
Điều 38.	Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS	17
Điều 39.	Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Tổng giám đốc	18
Điều 40.	Việc tiếp cận thông tin	19
Điều 41.	Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng giám đốc	19
Điều 42.	Phối hợp giữa Tổng giám đốc và HĐQT, BKS.	20
Chương IX.	Người phụ trách quản trị công ty	20
Điều 43.	Tiêu chuẩn của người phụ trách quản trị công ty	20
Điều 44.	Quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị công ty	21
Điều 45.	Việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty	21

Điều 46.	Các trường hợp miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty	21
Điều 47.	Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty	21
Chương X.	Ngăn ngừa xung đột lợi ích	21
Điều 48.	Trách nhiệm can trọng	21
Điều 49.	Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	22
Điều 50.	Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	23
Chương XI.	Sửa đổi Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.....	24
Điều 51.	Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty	24
Chương XII.	Ngày Hiệu lực	24
Điều 52.	Ngày hiệu lực.....	24



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 5 năm 2018

THÔNG BÁO

(V/v: Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị độc lập nhiệm kỳ 2016 –2020)

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn.

Theo quy định hiện hành thì Hội đồng Quản trị (HĐQT) của Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn cần phải bổ sung một Thành viên HĐQT độc lập.

Để phát huy vai trò của Thành viên HĐQT độc lập là đại diện quyền lợi cho các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phần thấp, HĐQT Công ty xin thông báo đến Quý cổ đông về việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT) độc lập để bầu bổ sung 01 thành viên cho nhiệm kỳ 2016 - 2020 tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 như sau:

I. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập:

Căn cứ tại khoản 7 Điều 2 Nghị định 71/2017/NĐ-CP và khoản 2 Điều 151 Luật Doanh nghiệp, theo đó thành viên HĐQT độc lập phải có các tiêu chuẩn sau đây:

- Không phải là người đang làm việc cho Công ty, Công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, Công ty con của Công ty ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó.
- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà Thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;
- Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là Cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc Công ty con của Công ty;
- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát (BKS) của Công ty ít nhất trong năm (05) năm liền trước đó.

II. Điều kiện đề cử, ứng cử Thành viên HĐQT độc lập

Điều 24.2 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, quy định như sau:

- Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 35% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 35% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 55% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 55% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được đề cử đủ số ứng viên;

III. Hồ sơ đề cử, ứng cử:

Hồ sơ đề cử, ứng cử vào HĐQT độc lập bao gồm:

1. Thông báo ứng cử/đề cử ứng viên tham gia làm Thành viên HĐQT độc lập (theo mẫu tài liệu hợp ĐHĐCĐ);
2. Phiếu ứng cử, đề cử tham gia HĐQT độc lập (theo mẫu);
3. Sơ yếu lý lịch ứng cử viên tự khai (theo mẫu);
4. CMND, Hộ chiếu nếu là Việt Kiều, người nước ngoài và các văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn.

(Quý vị cổ đông có thể download các mẫu hồ sơ trên website: www.saigonres.com.vn)

IV. Thời hạn và địa chỉ gửi Hồ sơ đề cử, ứng cử:

HĐQT kính đề nghị Quý cổ đông có đủ điều kiện ứng cử và đề cử gửi văn bản đề cử, ứng cử người có đủ tiêu chuẩn làm thành viên HĐQT độc lập đến Công ty trước **17h00** ngày **05/4/2018** để hoàn thiện thủ tục theo quy định.

Hồ sơ gửi về Công ty theo địa chỉ sau:

- Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn
- Địa chỉ: 63 – 65 Điện Biên Phủ - Phường 15 – Quận Bình Thạnh – Tp.HCM
- Điện thoại: (028) 38.405.549 - (028) 38.405.550
- Email: saigonresgroup@saigonres.com.vn; Website: www.saigonres.com.vn

V. Lựa chọn các ứng cử viên:

Dựa trên hồ sơ đề cử, ứng cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng cử viên, HĐQT Công ty sẽ lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện quy định để bầu bổ sung làm Thành viên HĐQT độc lập.

Trân trọng thông báo.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông
- Ban TGD, BKS
- Website Công ty
- VP và P.NV

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Thu

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ỨNG CỬ THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC SÀI GÒN
NHIỆM KỲ 2016 - 2020

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn**

Tôi tên là:..... Ngày sinh: Nơi sinh:

Địa chỉ thường trú:

Điện thoại:..... Email:.....

Số CMND/Hộ chiếu: Ngày cấp: Tại:.....

Trình độ học vấn: Chuyên ngành:.....

Hiện đang sở hữu: cổ phần tại Công ty, đạt tỷ lệ % trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Trong đó, số lượng cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng là cổ phần, đạt tỷ lệ % trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, tôi xin tự ứng cử vào vị trí thành viên HĐQT độc lập Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn.

Tôi xin cam đoan mình có đủ điều kiện để ứng cử vào vị trí thành viên HĐQT độc lập theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế bầu thành viên HĐQT độc lập tại Đại hội Cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác trung thực của nội dung văn bản và hồ sơ kèm theo đồng thời cam kết tuân thủ đầy đủ theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế bầu thành viên HĐQT độc lập nhiệm kỳ 2016 - 2020 tại Đại hội Cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty.

Xin trân trọng cảm ơn!

ỨNG CỬ VIÊN

Hồ sơ kèm theo:

1. Sơ yếu lý lịch do ứng viên tự khai
2. Hộ khẩu thường trú/ Giấy đăng ký tạm trú hoặc giấy tờ tương đương
3. Bản sao hợp lệ CMND/ hộ chiếu và các bằng cấp chứng nhận trình độ học vấn của ứng viên.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC SÀI GÒN
NHIỆM KỲ 2016 - 2020

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn**
Tôi/ Chúng tôi là nhóm cổ đông Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn gồm:

STT	Họ và tên CĐ	Số CMND, ngày cấp, nơi cấp	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ % vốn điều lệ	Số CP sở hữu trong thời hạn 6 tháng liên tục	Chữ ký

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, chúng tôi trân trọng đề cử:

Ông/Bà:.....Ngày sinh: Nơi sinh:

Địa chỉ thường trú:

Số CMND/Hộ chiếu:Ngày cấp: Tại:.....

Trình độ học vấn: Chuyên ngành:.....

Tôi/Chúng tôi cam đoan Ông/bà có đủ điều kiện được đề cử vào vị trí thành viên HĐQT độc lập theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế bầu thành viên HĐQT độc lập tại Đại hội Cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty.

Tôi/chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác trung thực của nội dung văn bản và hồ sơ kèm theo đồng thời cam kết tuân thủ đầy đủ theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế bầu Thành viên HĐQT độc lập nhiệm kỳ 2016-2020 tại Đại hội Cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty.

Xin trân trọng cảm ơn!

NGƯỜI ĐỀ CỬ

Hồ sơ kèm theo:

1. Sơ yếu lý lịch do người được đề cử tự khai.
2. Hộ khẩu thường trú/ Giấy đăng ký tạm trú hoặc giấy tờ tương đương.
3. Giấy uỷ quyền hợp lệ (nếu cổ đông uỷ quyền cho người khác đề cử).
4. Bản sao hợp lệ CMND/ hộ chiếu và các bằng cấp chứng nhận trình độ học vấn của ứng viên.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SƠ YẾU LÝ LỊCH
(Dùng cho người được đề cử thành viên
Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát)

1. Họ và tên:
2. Giới tính:
3. Ngày tháng năm sinh:
4. Nơi sinh:
5. CMND số: ngày cấp nơi cấp:
6. Quốc tịch:
7. Dân tộc:
8. Địa chỉ thường trú:
9. Số điện thoại công ty: Số điện thoại di động:
10. Địa chỉ email:
11. Trình độ chuyên môn (bằng cấp, chuyên ngành):
12. Quá trình công tác:
13. Chức vụ tại tổ chức niêm yết:
14. Tổng số CP nắm giữ (tại thời điểm): cổ phần,
chiếm % vốn điều lệ
15. Những người liên quan có nắm giữ cổ phiếu của tổ chức niêm yết:
16. Những khoản nợ đối với Công ty:
17. Lợi ích liên quan đối với Công ty:
18. Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là hoàn toàn đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Công chứng chứng thực chữ ký của người khai
hoặc xác nhận của tổ chức đang làm việc hoặc
xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm
quyền về việc người khai đăng ký hộ khẩu
thường trú tại địa bàn

Tp.HCM, ngày tháng năm 2018
Người khai

THẺ LỆ BẦU CỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2014 ngày 26/11/2014,
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn,

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn tiến hành bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo các nội dung dưới đây:

Điều 1. Số lượng Thành viên HĐQT độc lập được bầu

ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 sẽ bầu bổ sung một (01) Thành viên HĐQT độc lập nhiệm kỳ 2016 - 2020.

Điều 2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên HĐQT độc lập

Theo như thông báo “Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị độc lập nhiệm kỳ 2016 – 2020”.

Điều 3. Điều kiện đề cử, ứng cử Thành viên HĐQT độc lập

Theo như thông báo “Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị độc lập nhiệm kỳ 2016 – 2020”.

Điều 4. Phiếu bầu và ghi Phiếu bầu

4.1. Phiếu bầu:

- a) Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Cổ đông có quyền biểu quyết hoặc Người được ủy quyền dự họp sẽ được cấp một (01) Phiếu bầu để bầu Thành viên HĐQT độc lập.
- b) Cổ đông khi được phát Phiếu bầu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót, Cổ đông phải thông báo ngay cho Ban Kiểm phiếu đổi Phiếu bầu khác. Trường hợp Cổ đông trong quá trình ghi Phiếu bầu bị nhầm lẫn, với điều kiện chưa bỏ vào thùng phiếu thì có quyền gặp Ban Kiểm phiếu để đổi lại Phiếu bầu nhằm đảm bảo quyền lợi cho Cổ đông.

4.2. Cách ghi Phiếu bầu:

- a) Số lượng Thành viên HĐQT độc lập được bầu tại ĐHĐCĐ thường niên 2017 là **một (01) Thành viên** do đó Cổ đông **chỉ được chọn 01 ứng viên** trong danh sách đề cử, ứng cử đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- b) Khi đồng ý bầu cho 01 ứng viên nào, Cổ đông viết số phiếu muốn bầu vào cột “Số phiếu bầu” tại dòng tương ứng với tên ứng viên đó trong Phiếu bầu; số Phiếu bầu còn lại sẽ không bầu cho bất cứ ứng viên nào khác.
- c) Nếu không bầu cho bất kỳ ứng viên nào, Cổ đông điền số không (0) hoặc gạch chéo vào cột “Số phiếu bầu” tại tất cả các dòng trong Phiếu bầu.



d) Tổng số phiếu bầu cho 01 ứng viên của một Cổ đông không được vượt quá tổng số phiếu bầu được phép của Cổ đông đó.

4.3. Phiếu hợp lệ khi có đủ các điều kiện sau đây:

- a) Phiếu bầu cho ứng viên có tên trong danh sách các ứng viên đã được ĐHĐCĐ thông qua;
- b) Tổng số lượng phiếu bầu nhỏ hơn hoặc bằng tổng số phiếu bầu được phép của Cổ đông đó (bằng số cổ phần nhân với 01 Thành viên được bầu);
- c) Có chữ ký xác nhận của Cổ đông tại Phiếu bầu.
- d) Không thuộc trường hợp quy định tại Điều 4.4 Điều này.

4.4 Phiếu bầu không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Phiếu không do Công ty phát hành; hoặc
- b) Phiếu gạch xóa, sửa chữa, bổ sung các nội dung không theo quy định (trường hợp viết sai phải đổi lại phiếu mới); hoặc
- c) Phiếu chọn/bầu từ 02 ứng viên trở lên; hoặc
- d) Phiếu có ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng viên đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu; hoặc
- e) Phiếu có tổng số quyền đã biểu quyết cho 01 ứng viên vượt quá tổng số quyền được biểu quyết của Cổ đông đó (bao gồm quyền sở hữu và được ủy quyền); hoặc
- f) Phiếu không ký tên và ghi rõ họ tên của Cổ đông; hoặc
- g) Phiếu không ghi số lượng phiếu bầu cho bất kỳ ứng viên nào.

Điều 5: Phương thức bầu cử, nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT

5.1. Phương thức bầu cử:

Việc bầu cử Thành viên HĐQT độc lập của Công ty sẽ được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu.

Mỗi cổ đông/đại diện của Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với 01 Thành viên được bầu của HĐQT.

5.2. Nguyên tắc trúng cử:

Người trúng cử Thành viên HĐQT độc lập được xác định theo số phiếu bầu cao nhất.

Trường hợp có từ 02 (hai) ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như thì ĐHĐCĐ tiến hành bầu lại 02 (hai) ứng viên đó để chọn ra người có phiếu bầu cao nhất.

Điều 6. Ban Kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

6.1. Ban Kiểm phiếu:

Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được ĐHĐCĐ thông qua;

Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm:

- Thông qua Quy chế bầu cử;
- Giới thiệu phiếu và phát phiếu bầu;
- Tiến hành kiểm phiếu;
- Công bố kết quả bầu cử trước ĐHĐCĐ.

6.2. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu:

Ban Kiểm phiếu phải tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông.

Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu.

Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay khi việc bỏ phiếu kết thúc.

Sau khi kiểm phiếu xong, Ban Kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu và công bố trước Đại hội. Toàn bộ lá phiếu kiểm xong phải được niêm phong và bàn giao lại cho Chủ tọa Đại hội.

Điều 7. Khiếu nại

Mọi thắc mắc khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu (nếu có) sẽ do Chủ tọa Đại hội giải quyết và được ghi vào biên bản Đại hội.

Quy chế này gồm có 07 điều và được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông để biểu quyết thông qua.

Kính trình Đại hội.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Thu



THẺ LỆ BIỂU QUYẾT

TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC SÀI GÒN

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2014 được Quốc hội khóa XIII nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn.

Việc biểu quyết được thực hiện bằng phiếu biểu quyết để thông qua các Báo cáo; Tờ trình; Nghị quyết theo nội dung của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn được tiến hành theo thể lệ sau đây :

I. HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT:

1. Cổ đông và đại diện cổ đông thực hiện quyền biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 của Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn bằng hình thức sử dụng “Phiếu biểu quyết”.
2. Phiếu biểu quyết là phiếu in sẵn, có đóng dấu Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn, được phát cho Cổ đông khi tham dự Đại hội. Trong Phiếu có các thông tin về mã số cổ đông, số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.
3. Đại hội biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Với mỗi vấn đề cần biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông, Đoàn chủ tịch Đại hội sẽ đề nghị thực hiện biểu quyết 03 lần theo trình tự sau :
 - Biểu quyết tán thành.
 - Biểu quyết không tán thành.
 - Không có ý kiến hoặc có ý kiến khác.

Mỗi cổ đông hoặc đại diện cổ đông (01 người) chỉ được biểu quyết 01 lần (**tán thành hoặc không tán thành hoặc có ý kiến khác**) đối với cùng một vấn đề cần biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

4. Việc xác định tỷ lệ biểu quyết mỗi vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo hình thức tính theo số cổ phần trên tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết tại Đại hội.

Mỗi Cổ đông hoặc Đại diện cổ đông đang sở hữu hoặc được ủy quyền đại diện có số cổ phần được biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu hoặc đại diện hoặc được ủy quyền.

II. NGUYÊN TẮC THÔNG QUA :

Theo Khoản 2 Điều 20 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, các vấn đề cần biểu quyết tại Đại hội được thông qua khi thỏa mãn điều kiện sau:

- a. Được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông trực tiếp tham dự họp hoặc uỷ quyền tham dự họp chấp thuận;
- b. Đối với quyết định về các vấn đề sau đây thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông trực tiếp tham dự họp hoặc uỷ quyền tham dự họp chấp thuận:
 - i. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;
 - ii. Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - iii. Tổ chức lại, giải thể công ty.
 - iv. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 70% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty đã được kiểm toán;

Kính trình Đại hội,

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Thu